

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LIGHTHOUSE (LHBF)

TP. Hồ Chí Minh, tháng 05 năm 2023

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LIGHTHOUSE (LHBF)

TP. Hồ Chí Minh, tháng 05 năm 2023

MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	5
II. CÁC ĐỊNH NGHĨA.....	5
CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG	9
Điều 1. Tên Quỹ và địa chỉ liên hệ	9
Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ	9
Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ	9
Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng Chỉ Quỹ	9
Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ.....	9
Điều 6. Công Ty Quản Lý Quỹ	9
Điều 7. Ngân Hàng Giám Sát.....	10
CHƯƠNG II - QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU ĐẦU TƯ, CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ.....	11
Điều 8. Mục tiêu đầu tư	11
Điều 9. Chiến lược đầu tư	11
Điều 10. Hạn chế đầu tư	12
Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ	13
Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư	13
CHƯƠNG III - NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	14
Điều 13. Nhà Đầu Tư	14
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư	14
Điều 15. Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư	15
Điều 16. Giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.....	16
Điều 17. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.....	19
Điều 18. Giá Bán, Giá Mua Lại.....	19
Điều 19. Chuyển nhượng phí thương mại	20
Điều 20. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ.....	20
CHƯƠNG IV - ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	22
Điều 21. Đại Hội Nhà Đầu Tư.....	22
Điều 22. Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường.....	22
Điều 23. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại Hội Nhà Đầu Tư	23
Điều 24. Phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư.....	25
CHƯƠNG V - BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	26
Điều 25. Ban Đại Diện Quỹ	26
Điều 26. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ.....	27
Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ	27
Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ	28
Điều 29. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ.....	28
Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Đại Diện Quỹ	29
Điều 31. Thủ tục điều hành của Ban Đại Diện Quỹ	29
Điều 32. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ.....	29

Điều 33.	Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ	30
CHƯƠNG VI - CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ		31
Điều 34.	Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ	31
Điều 35.	Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ	31
Điều 36.	Chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ	33
Điều 37.	Hạn chế đối với hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ	34
CHƯƠNG VII - NGÂN HÀNG GIÁM SÁT		36
Điều 38.	Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát	36
Điều 39.	Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát	36
Điều 40.	Hoạt động giám sát của Ngân Hàng Giám Sát	37
Điều 41.	Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát, ngân hàng lưu ký	38
CHƯƠNG VIII - CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÓ LIÊN QUAN		40
Điều 42.	Các hoạt động được ủy quyền	40
Điều 43.	Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan	40
Điều 44.	Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan	40
Điều 45.	Trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền	41
Điều 46.	Chấm dứt hoạt động ủy quyền	42
CHƯƠNG IX - ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DANH		43
Điều 47.	Điều kiện lựa chọn Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ	43
Điều 48.	Hoạt động của Đại Lý Phân Phối	43
Điều 49.	Hoạt động của đại lý ký danh	44
Điều 50.	Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ	45
CHƯƠNG X - KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO		46
Điều 51.	Tiêu chuẩn lựa chọn công ty kiểm toán	46
Điều 52.	Năm tài chính	46
Điều 53.	Chế độ kế toán	46
Điều 54.	Báo cáo tài chính	46
Điều 55.	Báo cáo khác	46
CHƯƠNG XI - GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ		47
Điều 56.	Xác định NAV của Quỹ	47
Điều 57.	Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá	47
Điều 58.	Nguyên tắc, phương pháp và quy trình xác định NAV của Quỹ	47
Điều 59.	Đền bù thiệt hại cho Quỹ và Nhà Đầu Tư	48
CHƯƠNG XII - GIÁ DỊCH VỤ, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		50
Điều 60.	Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ, và giá dịch vụ lưu ký, giám sát	50
Điều 61.	Thu nhập của quỹ	50
Điều 62.	Chi phí hoạt động của Quỹ	50
Điều 63.	Chi phí khác	51
Điều 64.	Phân chia lợi tức của Quỹ	52
CHƯƠNG XIII - TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ		53
Điều 65.	Hợp nhất, sáp nhập Quỹ	53

Điều 66.	Chia, tách Quỹ	53
Điều 67.	Giải thể Quỹ	53
CHƯƠNG XIV - GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH		55
Điều 68.	Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng uỷ thác đầu tư của Công Ty Quản Lý Quỹ và giữa Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ.....	55
CHƯƠNG XV - CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ		56
Điều 69.	Công bố thông tin và cung cấp thông tin cho Nhà Đầu Tư	56
Điều 70.	Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ	57
Điều 71.	Đăng ký Điều Lệ, điều khoản thi hành.....	57
PHỤ LỤC 1 – CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ		59
PHỤ LỤC 2 - CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT		61
PHỤ LỤC 3 - CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT		62
PHỤ LỤC 4 – PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN		63
PHỤ LỤC 5 - BIỂU GIÁ DỊCH VỤ LƯU KÝ GIÁM SÁT VÀ GIÁ DỊCH VỤ QUẢN TRỊ QUỸ.....		67
PHỤ LỤC 6 - GIÁ DỊCH VỤ ĐẠI LÝ CHUYÊN NHƯỢNG.....		68
PHỤ LỤC 7 - NGUYÊN TẮC LẤY Ý KIẾN NHÀ ĐẦU TƯ BẰNG VĂN BẢN		69

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
2. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
4. Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
5. Thông tư:
 - Thông tư số 99/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 16/11/2020 hướng dẫn về hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán;
 - Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 16/11/2020 hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
 - Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
 - Thông tư số 102/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 17/11/2021 quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam.
 - Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính về việc ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng với Công ty Quản lý quỹ;
 - Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;
 - Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/6/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
 - Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03/12/2015 của Bộ Tài chính quy định về hành nghề chứng khoán;
 - Thông tư số 134/2017/TT-BTC ngày 19/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán;
 - Thông tư số 73/2020/TT-BTC ngày 07/8/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 134/2017/TT-BTC ngày 19/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán;
 - Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán;
 - Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán;
6. Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan (được sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm).

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

"Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Lighthouse" hay **"Quỹ"** là Quỹ Đầu tư Trái Phiếu Lighthouse (viết tắt là "LHBF") hoạt động theo cơ chế Quỹ mở, thực hiện chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật chứng

khoán, Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Điều Lệ Quỹ.

“Công Ty Quản Lý Quỹ”
hay **“LHC”**

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Lighthouse, được thành lập theo Giấy Phép Đăng ký Thành Lập Và Hoạt Động số 14/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 28/12/2006 (và các sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm). Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu tư Lighthouse được uỷ thác quản lý Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Lighthouse, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.

“Ngân Hàng Giám Sát”
hay **“BIDV”**

là Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm). và giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 106/QĐ-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 14/05/2003, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát được quy định tại Điều 39 của Điều Lệ Quỹ.

“Công Ty Kiểm Toán”

là một công ty kiểm toán cho Quỹ được Đại Hội Nhà Đầu Tư chỉ định, là công ty kiểm toán độc lập nằm trong danh sách được UBCKNN chấp thuận thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Lighthouse.

“Điều Lệ Quỹ”

bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).

“Bản Cáo Bạch”

là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và phát hành Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ.

“Hợp Đồng Giám Sát”

là hợp đồng được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát được thông qua bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Lighthouse.

“Nhà Đầu Tư”

là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng Chỉ Quỹ.

“Đại Hội Nhà Đầu Tư”

là Đại Hội của Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.

“Ban Đại Diện Quỹ”

là những người đại diện cho Nhà Đầu Tư được Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ bầu ra để thay mặt Nhà Đầu Tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

“Vốn Điều Lệ”

là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà Đầu Tư thực góp tại đợt phát hành Chứng Chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều Lệ Quỹ.

“Chứng Chỉ Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu”

là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ. Mệnh giá 01 Chứng Chỉ Quỹ là 10.000 (mười nghìn)

Lighthouse” “Chứng Chỉ Quỹ”	hay đồng.
“Giá Bán/Giá Phát Hành”	là mức giá Nhà Đầu Tư phải thanh toán để mua một Chứng Chỉ Quỹ. Giá Bán/Giá Phát Hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) hoặc bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ cộng thêm Giá Dịch Vụ Phát Hành đã quy định tại Điều Lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch.
“Giá Mua Lại”	là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu Tư một Chứng Chỉ Quỹ. Giá Mua Lại bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ trừ đi Giá Dịch Vụ Mua Lại Chứng Chỉ Quỹ đã quy định tại Điều Lệ Quỹ.
“Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ”	là Giá dịch vụ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều Lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch.
“Giá Dịch Vụ Phát Hành/ Giá Dịch Vụ Mua Lại”	là Giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả khi mua/bán một Chứng Chỉ Quỹ cho quỹ. Giá Dịch Vụ Phát Hành/Giá Dịch Vụ Mua Lại tính theo tỷ lệ phần trăm Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ quy định tại Điều 18 của Điều Lệ.
“Cổ Tức Quỹ”	là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu Tư.
“Năm Tài Chính”	là 12 (mười hai) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm Tài Chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
“Giá Trị Tài Sản Ròng (NAV) Của Quỹ”	là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại Ngày Định Giá.
“Ngày Định Giá”	là ngày làm việc mà tại ngày đó Công Ty Quản Lý Quỹ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán và Điều Lệ Quỹ.
“Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ”	là ngày làm việc mà tại ngày đó Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt quỹ phát hành, mua lại, hoặc chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ theo cơ chế giao dịch của Quỹ.
“Thời Điểm Đóng Sở Lệnh”	là thời điểm cuối cùng mà Đại Lý Phân Phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu Tư để thực hiện trong Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ.
“Đại Lý Chuyển Nhượng”	là tổ chức được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền cung cấp dịch vụ chuyển nhượng cho Quỹ theo Điều Lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.
“Đại lý ký danh”	là Đại Lý Phân Phối đứng tên tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch Chứng Chỉ Quỹ thay mặt cho các Nhà Đầu Tư tại sở phụ.
“Đại Lý Phân Phối”	là tổ chức đã ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ.
“Điểm Nhận Lệnh”	là trụ sở chính của Đại Lý Phân Phối hoặc các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Đại Lý Phân Phối được ủy quyền để nhận lệnh từ các

Nhà Đầu Tư.

- “Sổ Đăng Ký”** là tài liệu ghi nhận thông tin về Nhà Đầu Tư sở hữu Chứng Chỉ Quỹ.
- “Tổ chức cung cấp báo giá”** là tổ chức kinh doanh chứng khoán, Công Ty Quản Lý Quỹ, các hệ thống báo giá được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn để cung cấp báo giá tài sản không phải là chứng khoán niêm yết hoặc chứng khoán đăng ký giao dịch.
- “Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan”** là Ngân Hàng Lưu Ký, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền cung cấp một hoặc một số các hoạt động Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư, Dịch vụ đại lý chuyển nhượng.
- “Ủy ban Chứng khoán Nhà nước” hay “UBCKNN”** là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước của Việt Nam.
- “Trung tâm Lưu ký Chứng khoán” hay “VSD”** Là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam hoặc bất kỳ cơ quan nào khác thay thế hoặc kế thừa quyền hạn và nghĩa vụ của cơ quan này.
- “Các định nghĩa khác”** Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

Các thuật ngữ được sử dụng trong Điều Lệ này áp dụng cho cả dạng số ít và số nhiều của thuật ngữ đó. Các thuật ngữ khác nếu không được định nghĩa trong Điều Lệ này sẽ được hiểu như Bản Cáo Bạch, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Các dẫn chiếu trong Điều Lệ này tới các Phụ lục, Điều và đoạn (trừ khi được quy định khác) là các Phụ lục, Điều, Khoản của Điều Lệ này.

Khi sử dụng các cụm từ “của Điều Lệ này” “theo Điều Lệ này” “trong Điều Lệ này” và các từ tương tự khác khi sử dụng trong Điều Lệ này sẽ đề cập đến toàn bộ Điều Lệ và không phải là đề cập tới bất kỳ điều khoản riêng lẻ nào của Điều Lệ này.

Dẫn chiếu tới bất kỳ văn kiện hoặc thỏa thuận nào có nghĩa là văn kiện hoặc thỏa thuận đó được sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung tại từng thời điểm theo các điều khoản của văn kiện hoặc thỏa thuận đó và có hiệu lực tại bất kỳ thời điểm nào.

Dẫn chiếu đến bất kỳ văn bản pháp luật nào sẽ được hiểu là dẫn chiếu đến văn bản pháp luật như được ban hành lại, đặt tên lại, sửa đổi hoặc gia hạn tại từng thời điểm.

Dẫn chiếu tới bất kỳ tổ chức, cá nhân nào sẽ được hiểu là dẫn chiếu đến bất kỳ bên kế nhiệm hoặc bên được chuyển nhượng hoặc bên được chuyển giao được phép của tổ chức, cá nhân đó, trừ trường hợp không được phép theo quy định của Điều Lệ này.

CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên Quỹ và địa chỉ liên hệ

1. Tên quỹ: Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Lighthouse.
2. Tên tiếng Anh: Lighthouse Capital Bond Fund.
3. Tên viết tắt: LHBF.
4. Loại hình quỹ: Quỹ mở.
5. Địa chỉ liên hệ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse.
 - Trụ sở chính: Tầng 5 - 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại: (028) 7301 7786.
 - Fax: (028) 7302 2268.

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Quỹ được chính thức hoạt động kể từ khi được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

1. Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở, hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và hệ thống pháp luật hiện hành của Việt nam, các quy định của Điều Lệ này.
2. Cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ là Đại Hội Nhà Đầu Tư.
3. Ban Đại Diện Quỹ do Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát đồng thời thực thi các quyền hạn khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ này và quy định của pháp luật.
4. Công Ty Quản Lý Quỹ được Đại Hội Nhà Đầu Tư chỉ định để quản lý hoạt động của Quỹ phù hợp với các quy định tại Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch và các văn bản khác có liên quan.
5. Ngân Hàng Giám Sát cung cấp dịch vụ giám sát hoạt động của Quỹ, do Công Ty Quản Lý Quỹ đề xuất và được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng Chỉ Quỹ

1. Vốn Điều Lệ được huy động trong lần đầu chào bán ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.435.000.000 VND (năm mươi tỷ bốn trăm ba mươi lăm triệu Đồng Việt Nam). Vốn Điều Lệ được chia thành 5.043.500 (năm triệu không trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm) Chứng Chỉ Quỹ.
2. Mệnh giá của một Chứng Chỉ Quỹ là 10.000 VND (mười nghìn Đồng Việt Nam).
3. Nhà Đầu Tư góp vốn bằng tiền Đồng Việt Nam theo cách thức chuyển vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát.
6. Quỹ không bị giới hạn số lượng tối đa Chứng Chỉ Quỹ được phát hành trừ khi Đại Hội Nhà Đầu Tư có quyết định khác.
4. Bất cứ thay đổi nào về giá trị vốn góp tối đa hoặc số lượng Chứng Chỉ Quỹ tối đa được phát hành sẽ do Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định và được báo cáo lên UBCKNN.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse.

2. Tên tiếng Anh: Lighthouse Fund Management Joint Stock Company.
3. Tên viết tắt: Lighthouse FM.
4. Giấy phép thành lập và hoạt động: 14/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).
5. Trụ sở chính: Tầng 5 - 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
6. Điện thoại: (028) 7301 7786
7. Fax: (028) 7302 2268
8. Vốn Điều Lệ: 25.000.000.000 VNĐ (Hai mươi lăm tỷ Đồng Việt Nam).

Điều 7. Ngân Hàng Giám Sát

1. Tên ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa.
2. Giấy chứng nhận đăng ký: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619079 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).
3. Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán: Số 106/QĐ-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 14/05/2003.
4. Trụ sở chính: 66 Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
5. Điện thoại: (028) 3821 8812
6. Fax: (028) 3914 4714
7. Website: www.bidv.com.vn

CHƯƠNG II - QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU ĐẦU TƯ, CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

1. Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Lighthouse hướng đến việc tối đa hóa giá trị danh mục đầu tư dựa trên việc phân bổ trọng điểm danh mục vào trái phiếu, các tài sản có thu nhập cố định và công cụ nợ có thanh khoản ổn định và chất lượng tín dụng tốt tại Việt Nam.
2. Quỹ có thanh khoản linh hoạt, phù hợp với các Nhà Đầu Tư với các mục đích đầu tư trung hoặc dài hạn, nhằm mục tiêu tạo ra lợi nhuận tốt và giảm thiểu rủi ro, đảm bảo bảo toàn vốn cho nhà đầu tư.
3. Mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi hoàn toàn theo Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư, phù hợp với quy định hiện hành và báo cáo với UBCKNN.

Điều 9. Chiến lược đầu tư

1. Chiến lược đầu tư của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Lighthouse chú trọng phân bổ cao vào những tài sản là trái phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn ở: (i) Trái phiếu Chính phủ, (ii) Trái phiếu chính quyền địa phương, (iii) Trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, (iv) Trái phiếu doanh nghiệp có xếp hạng tín dụng tốt, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc có cam kết mua lại của tổ chức phát hành. Trong đó, Quỹ sẽ xây dựng các danh mục đầu tư khác nhau với mức tỷ suất sinh lời kỳ vọng đa dạng nhằm đáp ứng khẩu vị rủi ro của từng loại Nhà Đầu Tư.
Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản đầu tư tùy thuộc vào tình hình thị trường và cơ hội đầu tư tại từng thời điểm khác nhau dựa trên nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu Tư. Tuy nhiên, việc phân bổ tài sản đầu tư không được vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều Lệ này, Bản Cáo Bạch và quy định của pháp luật.
2. Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư: Quỹ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề pháp luật không cấm.
3. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư:
 - a. Tiền gửi tại các Ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
 - b. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - c. Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu Chính quyền địa phương;
 - d. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - e. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 (một) lần trong 12 (mười hai) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% (ba mươi phần trăm) giá trị đợt phát hành;
 - f. Quyền phái sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.
4. Trường hợp quỹ đầu tư vào tài sản theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều Lệ Quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - a. Có quy định tại Điều Lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch;
 - b. Đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
 - c. Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

1. Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định tại Điều 9 Điều Lệ Quỹ và công bố tại Bản Cáo Bạch.
2. Vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau:
 - a. Đầu tư tối thiểu 80% (tám mươi phần trăm) Giá trị tài sản ròng của Quỹ vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác;
 - b. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% (mười phần trăm) Tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
 - c. Không được đầu tư quá 20% (hai mươi phần trăm) Tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại Điểm a, b Khoản 3 Điều 9 Điều Lệ này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
 - d. Không được đầu tư quá 30% (ba mươi phần trăm) Tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại Điểm a, b, d và e Khoản 3 Điều 9 Điều Lệ này phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% (ba mươi lăm phần trăm) cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;
 - e. Không được đầu tư quá 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều Lệ Quỹ;
 - f. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá Giá trị tài sản ròng của Quỹ;
 - g. Không được đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ của chính Quỹ đó;
 - h. Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do Công Ty Quản Lý Quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá 10% (mười phần trăm) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
 - i. Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.
3. Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại điểm b, c, d, e và h khoản 2 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:
 - a. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - b. Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư;
 - c. Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
 - d. Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
 - e. Quỹ đang trong thời gian giải thể.
4. Trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại điểm a, b, c và d khoản 3 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho UBCKNN và

điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày sai lệch phát sinh. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
6. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.
7. Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 Điều Lệ này của các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 Điều Lệ Quỹ.
2. Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép vay để đầu tư trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch Chứng Chỉ Quỹ với Nhà Đầu Tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá 5% (năm phần trăm) NAV của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là 30 (ba mươi) ngày.
3. Tài sản của Quỹ không được sử dụng để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác.
4. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống và cho vay chứng khoán.
5. Quỹ được phép thực hiện các giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ phù hợp với quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

1. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với tài sản là tiền gửi, công cụ thị trường tiền tệ, giấy tờ có giá, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương: Áp dụng phương pháp tiếp cận từ trên xuống ("Top-Down Approach"). Theo đó, căn cứ vào các đánh giá, nghiên cứu cơ bản kinh tế vĩ mô, xu hướng lãi suất trong từng giai đoạn, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thực hiện chiến lược phân bổ tài sản cho phù hợp với mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận với mức rủi ro hợp lý cho danh mục đầu tư.
2. Với cơ hội đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu có gắn chứng quyền cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ áp dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên ("Bottom-Up Approach"). Theo đó, việc lựa chọn từng cổ phiếu cụ thể sẽ dựa trên các phân tích cơ bản đối với tổ chức phát hành và áp dụng mô hình định mức tín nhiệm phù hợp nhằm giảm thiểu rủi ro nhưng không bỏ lỡ cơ hội gia tăng giá trị cho hạn mục. Quỹ sẽ xem xét đầu tư vào trái phiếu các tổ chức phát hành có tình hình tài chính, lịch sử tín dụng, có tài sản bảo đảm và phương án sử dụng tốt.
3. Đối với các công cụ được phép đầu tư khác, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ trình Ban Đại Diện phê duyệt về phương pháp lựa chọn và giải ngân theo đề xuất được phê duyệt.

CHƯƠNG III - NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 13. Nhà Đầu Tư

1. Nhà Đầu Tư của Quỹ có thể là các cá nhân hoặc nhà đầu tư tổ chức trong và ngoài nước. Nhà Đầu Tư sẽ không phải chịu trách nhiệm hoặc có bất kỳ nghĩa vụ nào khác đối với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi sổ Chứng Chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
2. Nhà Đầu Tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà Đầu Tư tổ chức sẽ cử người đại diện hợp pháp đại diện cho sổ Chứng Chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Bất kỳ sự bổ nhiệm, bãi nhiệm hoặc thay thế đại diện này sẽ phải được thông báo cho Quỹ bằng văn bản và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của Nhà Đầu Tư tổ chức đó.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch Chứng Chỉ Quỹ và trở thành Nhà Đầu Tư.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư

1. Nhà Đầu Tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 101 Luật Chứng khoán;
 - b. Quyền được đối xử công bằng, mỗi Chứng Chỉ Quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
 - c. Quyền tự do chuyển nhượng Chứng Chỉ Quỹ;
 - d. Được ứng cử và bầu vào Ban Đại Diện Quỹ khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 26 Điều Lệ Quỹ;
 - e. Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ;
 - f. Quyền và nghĩa vụ tham gia các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
 - g. Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua Chứng Chỉ Quỹ trong thời hạn quy định của Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng Chỉ Quỹ;
 - h. Nghĩa vụ chấp hành nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư.
2. Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư sở hữu từ 5% (năm phần trăm) trở lên tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:
 - a. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban Đại Diện Quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của Ngân Hàng Giám Sát liên quan đến hoạt động của Quỹ;
 - b. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường trong các trường hợp sau:
 - Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát vi phạm quyền của Nhà Đầu Tư hoặc nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều Lệ Quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư, gây tổn thất cho Quỹ;
 - Ban Đại Diện Quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 (sáu) tháng mà chưa được bầu thay thế;

- c. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát phải trả lời Nhà Đầu Tư;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Nhà Đầu Tư. Kiến nghị bằng văn bản phải được gửi đến Công Ty Quản Lý Quỹ chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày khai mạc;
3. Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư sở hữu từ 10% (mười phần trăm) trở lên tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban Đại Diện Quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) trở lên tổng số cổ phần phổ thông.
4. Yêu cầu, kiến nghị của Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 14 Điều Lệ Quỹ phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức; số lượng Chứng Chỉ Quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà Đầu Tư, tổng số Chứng Chỉ Quỹ của cả nhóm Nhà Đầu Tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Điều Lệ Quỹ, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều 39 Điều Lệ Quỹ, hợp đồng giám sát.

Điều 15. Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư

- 1. Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan lập và quản lý Sổ Đăng ký Nhà Đầu Tư Chính ("Sổ chính") hoặc đại lý ký danh, nếu có, lập và quản lý Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư phụ ("Sổ Phụ") để xác nhận quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với Chứng Chỉ Quỹ.
- 2. Sổ Chính, Sổ Phụ sẽ bao gồm các thông tin sau:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân Hàng Giám Sát và Ngân Hàng Lưu Ký; tên đầy đủ của Quỹ;
 - b. Tổng số Chứng Chỉ Quỹ được quyền chào bán, tổng số Chứng Chỉ Quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho Quỹ;
 - c. Thông tin về Nhà Đầu Tư bao gồm:
 - Đối với Nhà Đầu Tư là cá nhân: Họ và tên của Nhà Đầu Tư, số chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc, số điện thoại và địa chỉ thư điện tử (nếu có);
 - Đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức: Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/đăng ký doanh nghiệp; tên đầy đủ, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ, số điện thoại và thư điện tử của người được ủy quyền giao dịch Chứng Chỉ Quỹ của tổ chức đó;
 - d. Số tài khoản hoặc số tài khoản ký danh và số tiểu khoản của từng Nhà Đầu Tư và mã số đăng ký giao dịch chứng khoán trong trường hợp Nhà Đầu Tư là Nhà Đầu Tư nước ngoài;
 - e. Số lượng Chứng Chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư nắm giữ, ngày đăng ký sở hữu vào Sổ chính hoặc Sổ phụ.

3. Công Ty Quản Lý Quỹ và nhà cung cấp dịch vụ có liên quan phải luôn có đầy đủ thông tin về từng Nhà Đầu Tư, kể cả Nhà Đầu Tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà Đầu Tư trên sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư. Quyền sở hữu này được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà Đầu Tư được cập nhật trong Sổ chính.

Điều 16. Giao dịch Chứng Chỉ Quỹ

1. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức giao dịch Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ và được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch.
2. Tần suất giao dịch của Quỹ:
 - a. Hoạt động giao dịch được thực hiện định kỳ 01 (một) tuần 01 (một) lần vào ngày thứ Năm hàng tuần (Ngày Giao Dịch - Ngày T) và đảm bảo không ít hơn 02 (hai) lần 01 (một) tháng. Trong trường hợp Ngày Giao Dịch rơi vào ngày nghỉ lễ thì việc giao dịch Chứng chỉ Quỹ sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch kế tiếp của Quỹ.
 - b. Trong trường hợp tăng tần suất giao dịch định kỳ, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ công bố tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt và báo cáo để Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất thông qua; trong trường hợp giảm tần suất phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua theo quy định.
3. Lệnh giao dịch phải được gửi tới Đại Lý Phân Phối đã công bố tại Bản Cáo Bạch hoặc đã công bố tại trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.
4. Lệnh mua

Việc thực hiện lệnh mua phải tuân thủ nguyên tắc sau:

- a. Lệnh mua của Nhà Đầu Tư phải gửi kèm các tài liệu hợp lệ xác nhận việc Nhà Đầu Tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát xác nhận với Công Ty Quản Lý Quỹ, đại lý phân phối hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan đã nhận đầy đủ tiền mua Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư, đại lý ký danh. Việc xác nhận hoàn tất thanh toán được thực hiện bằng văn bản, thư điện tử hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân Hàng Giám Sát đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận;
- b. Đại lý ký danh được thực hiện thanh toán trên cơ sở giá trị chênh lệch giữa lệnh mua và lệnh bán;
- c. Nhà Đầu Tư thanh toán giao dịch mua Chứng Chỉ Quỹ dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát; Giá trị giao dịch của lệnh mua Chứng Chỉ Quỹ phải không nhỏ hơn giá trị mua tối thiểu được quy định tại Bản Cáo Bạch;
- d. Số lượng Chứng Chỉ Quỹ được phân phối được tính theo công thức sau:
$$\text{Số lượng Chứng Chỉ Quỹ được phân phối} = \frac{\text{Số tiền đăng ký mua} \times (1 - \text{Giá Dịch Vụ Phát Hành (\%)})}{\text{NAV một Chứng Chỉ Quỹ tại Ngày Giao Dịch}}$$
- e. Số lượng Chứng Chỉ Quỹ bán cho Nhà Đầu Tư hoặc đại lý ký danh có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy. Số Chứng Chỉ Quỹ lẻ sẽ không ảnh hưởng đến khả năng bán lại Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư.
- f. Các trường hợp giao dịch mua không hợp lệ tại Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ:
 - Lệnh mua được gửi tới Đại Lý Phân Phối sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh.
 - Tiền mua Chứng Chỉ Quỹ được thanh toán trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh nhưng Nhà Đầu Tư không ghi phiếu đặt lệnh mua Chứng Chỉ Quỹ tại Đại Lý Phân Phối hoặc không đặt lệnh mua Chứng Chỉ Quỹ qua phương thức giao dịch điện tử.
 - Đến 16h00 của ngày trước Ngày Giao Dịch (Ngày T-1), Quỹ không nhận được tiền thanh

toán của Nhà Đầu Tư.

- Số tiền mua thấp hơn giá trị mua tối thiểu được quy định tại Bản Cáo Bạch.
 - Lệnh đặt mua thiếu thông tin như quy định của Bản Cáo Bạch.
- g. Quy trình nhận lệnh mua, điều kiện thực hiện lệnh mua được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch của Quý.

5. Lệnh bán

Lệnh bán được chấp nhận để thực hiện khi số lượng Chứng Chỉ Quỹ đăng ký bán được Đại Lý Chuyển Nhượng xác nhận là do Nhà Đầu Tư đó nắm giữ. Số lượng Chứng Chỉ Quỹ bán cho Nhà Đầu Tư hoặc đại lý ký danh có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

- a. Số lượng Chứng Chỉ Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản Nhà Đầu Tư được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch. Lệnh bán của Nhà Đầu Tư chỉ được thực hiện khi Nhà Đầu Tư có đủ số lượng Chứng Chỉ Quỹ để bán theo yêu cầu và số lượng Chứng Chỉ Quỹ còn lại sau giao dịch của Nhà Đầu Tư không thấp hơn số lượng Chứng Chỉ Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản.
- b. Trong trường hợp số lượng Chứng Chỉ Quỹ còn lại sau giao dịch ít hơn số lượng Chứng Chỉ Quỹ tối thiểu, thì số lượng Chứng Chỉ Quỹ còn lại sẽ được tự động bán hết tại Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ tại kỳ giao dịch mà khách hàng đặt lệnh bán.
- c. Lệnh bán có thể không thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều 17 Điều Lệ Quỹ;
- d. Số tiền Nhà Đầu Tư nhận được được tính theo công thức sau:
 - $\text{Giá trị bán được nhận} = \text{Số lượng Chứng Chỉ Quỹ được mua lại} \times \text{NAV của một Chứng Chỉ Quỹ tại Ngày Giao Dịch} \times (1 - \text{Giá Dịch Vụ Mua Lại} (\%)).$
 - Số tiền Nhà Đầu Tư nhận được sẽ bằng Giá trị bán được nhận trừ đi phí ngân hàng và các khoản thuế theo quy định của pháp luật (nếu có).
 - Cách thức giải quyết đối với các trường hợp mà số lượng đăng ký bán dẫn tới số lượng Chứng Chỉ Quỹ còn lại trong tài khoản nhỏ hơn số lượng Chứng Chỉ Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản, hoặc các trường hợp giao dịch bán không hợp lệ được quy định chi tiết ở Bản Cáo Bạch.
 - Quy trình nhận và thực hiện lệnh bán được quy định chi tiết ở Bản Cáo Bạch của Quý.
- e. Tiền bán Chứng Chỉ Quỹ được chuyển khoản trực tiếp tới tài khoản ngân hàng của Nhà Đầu Tư, đại lý ký danh đã đăng ký, hoặc tài khoản ngân hàng do Nhà Đầu Tư chỉ định đã đăng ký tại "Giấy Đăng Ký Mở Tài Khoản Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Mở" chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc, kể từ Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều Lệ Quỹ. Số tiền bán Chứng Chỉ Quỹ sẽ được làm tròn tới hàng đơn vị. Phí chuyển khoản sẽ được trừ vào số tiền bán Chứng Chỉ Quỹ này. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không đủ thông tin để xác định được người thụ hưởng của số tiền đã chuyển vào Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chỉ thị chuyển trả Nhà Đầu Tư trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi Công Ty Quản Lý Quỹ có đủ bằng chứng để xác định chính xác thông tin người thụ hưởng.
- f. Những trường hợp bán không hợp lệ tại Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ:
 - Lệnh bán được gửi tới Đại Lý Phân Phối sau thời điểm Đóng Sổ Lệnh.
 - Số lượng Chứng Chỉ Quỹ đặt bán nhiều hơn số lượng Chứng Chỉ Quỹ đang sở hữu.
- g. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thanh toán theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 16 Điều Lệ Quỹ, đại lý ký danh có trách nhiệm hoàn tất việc thanh toán cho Nhà Đầu Tư.

- h. Quy trình nhận lệnh bán, điều kiện thực hiện lệnh bán được quy định chi tiết ở Bản Cáo Bạch của Quỹ.
6. Lệnh chuyển đổi nhằm bán Chứng Chỉ Quỹ này để mua chứng chỉ quỹ của quỹ khác của cùng Công Ty Quản Lý Quỹ đang quản lý được chấp nhận để thực hiện khi số lượng Chứng Chỉ Quỹ đăng ký bán được Đại Lý Chuyển Nhượng xác nhận là do Nhà Đầu Tư nắm giữ và các quỹ kia có quy định cho phép chuyển đổi và Đại Lý Chuyển Nhượng xác nhận cả Lệnh Bán được Chấp Nhận và Lệnh Mua được chấp nhận. Lệnh chuyển đổi phải được điền đầy đủ thông tin theo mẫu và chuyển tới Đại Lý Phân Phối trước thời điểm đóng sổ lệnh. Lệnh bán sẽ được thực hiện trước, sau đó mới tới lệnh mua được thực hiện. Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ của các quỹ tương ứng. Nhà Đầu Tư chỉ phải thanh toán Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi, phí chuyển tiền và thuế (nếu có phát sinh) theo quy định mà không phải thanh toán Giá Dịch Vụ Phát Hành, Giá Dịch Vụ Mua Lại đối với các lệnh thực hiện theo quy định tại Điều Lệ Quỹ. Những trường hợp lệnh chuyển đổi không hợp lệ:
- a. Lệnh chuyển đổi được gửi tới đại lý sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh;
 - b. Số lượng Chứng Chỉ Quỹ đăng ký chuyển đổi nhiều hơn số lượng Chứng Chỉ Quỹ đang sở hữu.
7. Các lệnh giao dịch nhận được trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh được thực hiện vào Ngày Giao Dịch. Các lệnh nhận sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh được thực hiện vào Ngày Giao Dịch tiếp theo trừ trường hợp Nhà Đầu Tư có yêu cầu hủy lệnh.
8. Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh là thời điểm cuối cùng mà Đại Lý Phân Phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu Tư để thực hiện trong Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ được quy định chi tiết như sau:
- a. Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh tại Đại Lý Phân Phối áp dụng cho việc Nhà Đầu Tư nộp đầy đủ hồ sơ với Đại Lý Phân Phối trước 14h30 ngày T-1.
 - b. Trường hợp thời điểm Đóng Sổ Lệnh rơi vào ngày nghỉ lễ hoặc ngày nghỉ bù theo quy định thì việc nhận lệnh sẽ được thực hiện vào ngày làm việc liền trước đó. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo cho Nhà Đầu Tư, đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan khi thời điểm Đóng Sổ Lệnh rơi vào các trường hợp trên.
 - c. Với những giao dịch hợp lệ nộp cho Đại lý Phân Phối trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh, NAV Ngày Giao Dịch T sẽ được áp dụng.
 - d. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ (nhưng không quá thời điểm phân bổ kết quả giao dịch), nếu Đại Lý Phân Phối phát hiện lỗi giao dịch do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, Đại Lý Phân Phối phải thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và yêu cầu sửa lỗi giao dịch. Quá thời hạn nêu trên, Đại Lý Phân Phối chịu trách nhiệm trước Nhà Đầu Tư về các lỗi giao dịch.
 - e. Giao dịch muộn: Các lệnh giao dịch được nhận sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh cho Ngày Giao Dịch không được phép thực hiện tại NAV của Ngày Giao Dịch đó. Các giao dịch nhận được sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh sẽ được thực hiện tại NAV của Ngày Giao Dịch tiếp theo.
9. Tất cả các thanh toán để mua Chứng Chỉ Quỹ đều phải được thực hiện bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát trừ các giao dịch trên tài khoản ký danh thì thanh toán vào tài khoản của đại lý ký danh mở tại Ngân Hàng Giám Sát. Tiền bán Chứng Chỉ Quỹ được chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Nhà Đầu Tư, đại lý ký danh đã đăng ký hoặc vào tài khoản ngân hàng do Nhà Đầu Tư chỉ định.
10. Nhà Đầu Tư có thể tham gia mua Chứng Chỉ Quỹ theo chương trình đầu tư định kỳ (sau đây gọi là "SIP"). Theo đó, Nhà Đầu Tư lựa chọn chương trình SIP có thể đầu tư một khoản tiền cố định hàng tháng hoặc hàng quý để mua các Chứng Chỉ Quỹ. Cách thức đặt lệnh giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, khoản đầu tư tối thiểu, ngày thanh toán, Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh, các loại Giá dịch vụ của giao

dịch áp dụng đối với chương trình SIP sẽ được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.

Điều 17. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư khi một trong các trường hợp sau xảy ra:
 - a. Tổng giá trị của các lệnh bán (bao gồm cả lệnh chuyển đổi) trừ đi tổng giá trị của tất cả các lệnh mua (bao gồm cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ lớn hơn 10% (mười phần trăm) của NAV; hoặc
 - b. Việc thực hiện tất cả các lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư dẫn tới:
 - Giá trị NAV xuống dưới 50.000.000.000 (năm mươi tỷ) Đồng Việt Nam; hoặc
 - Số Chứng Chỉ Quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà Đầu Tư thấp hơn số lượng Chứng Chỉ Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản Nhà Đầu Tư.
2. Việc thực hiện một phần lệnh bán và lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư sẽ được áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ. Phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các Nhà Đầu Tư đăng ký giao dịch tại một kỳ giao dịch theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch. Phần còn lại của các lệnh bán chưa được thực hiện hết sẽ được ưu tiên thực hiện vào ngày giao dịch tiếp theo trước các lệnh đặt bán hoặc chuyển đổi mới. Trong trường hợp lệnh bán chỉ được thực hiện một phần, quy định về số dư Chứng Chỉ Quỹ tối thiểu trên tài khoản sẽ không áp dụng.
3. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 17 Điều Lệ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán nhưng không vượt quá 30 (ba mươi) ngày sau khi được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.
4. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể tạm dừng các giao dịch Chứng Chỉ Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a. Công Ty Quản Lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
 - b. Công Ty Quản Lý Quỹ không thể xác định NAV của Quỹ tại ngày định giá mua lại Chứng Chỉ Quỹ do chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán; hoặc
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
5. Các nguyên nhân của việc tạm dừng này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ trong thời gian sớm nhất kể từ khi xảy ra sự kiện dẫn đến việc tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ báo cáo Ban Đại Diện Quỹ và UBCKNN trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra các sự kiện có thể tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp theo yêu cầu của UBCKNN và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Chứng Chỉ Quỹ ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
6. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ tối đa sẽ là 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.
7. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tổ chức họp để lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể Quỹ, hoặc tách Quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.
8. Trong thời hạn triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư.

Điều 18. Giá Bán, Giá Mua Lại

1. Giá Dịch Vụ Phát Hành lần đầu của Quỹ là miễn phí. Giá Phát Hành lần đầu ra công chúng của một Chứng Chỉ Quỹ được xác định bằng Mệnh giá của Chứng Chỉ Quỹ, sẽ được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

2. Giá Bán một Chứng Chỉ Quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ tính tại Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ cộng với Giá Dịch Vụ Phát Hành (nếu có), sẽ được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.
3. Giá Mua Lại một Chứng Chỉ Quỹ được xác định bằng NAV trên một Chứng Chỉ Quỹ tính tại Ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ trừ đi Giá Dịch Vụ Mua Lại (nếu có), sẽ được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.
4. Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi là số tiền dịch vụ Nhà Đầu Tư phải trả khi giao dịch chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ giữa các chứng chỉ quỹ mở do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch.
5. Giá Dịch Vụ Mua Lại, Giá Dịch Vụ Phát Hành và Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi có thể được quy định với các mức khác nhau, căn cứ vào thời hạn nắm giữ chứng chỉ quỹ, mục tiêu đầu tư, hoặc giá trị khoản đầu tư. Các mức Giá dịch vụ cụ thể được công bố tại Bản Cáo Bạch, trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối hoặc dưới các hình thức khác.
6. Giá Dịch Vụ Phát Hành không được vượt quá 5% (năm phần trăm) giá trị giao dịch, mức giá dịch vụ cụ thể được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch. Giá Dịch Vụ Mua Lại, Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi không vượt quá 3% (ba phần trăm) giá trị giao dịch, mức giá dịch vụ cụ thể được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.
7. Các khoản Giá dịch vụ nêu trên sẽ được trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối. Phần thanh toán cho Đại Lý Phân Phối sẽ được tính trên Hợp đồng Đại Lý Phân Phối được ký giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.
8. Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá các mức quy định tại khoản 6 Điều 18 Điều Lệ Quỹ. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 19. Chuyển nhượng phi thương mại

1. Thừa kế Chứng Chỉ Quỹ
 - a. Việc thừa kế Chứng Chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế;
 - b. Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.
2. Cho tặng Chứng Chỉ Quỹ
 - a. Bên được cho tặng phải cung cấp các giấy tờ và làm các thủ tục cần thiết để mở tài khoản giao dịch Chứng Chỉ Quỹ;
 - b. Bên cho tặng nộp đơn đề nghị cho tặng tại Đại Lý Phân Phối;
 - c. Số lượng Chứng Chỉ Quỹ cho tặng không thấp hơn số lượng Chứng Chỉ Quỹ tối thiểu đối với một lệnh bán Chứng Chỉ Quỹ trừ trường hợp cho tặng toàn bộ số lượng Chứng Chỉ Quỹ trên tài khoản.
3. Việc giao dịch, duy trì tài khoản giao dịch Chứng Chỉ Quỹ sau khi chuyển nhượng phi thương mại được thực hiện tương tự quy định tại Điều 16, Điều 17 Điều Lệ Quỹ.

Điều 20. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ

1. Nếu Quỹ bị tổn thất hoặc thua lỗ do yếu tố khách quan, bất khả kháng, sự kiện vượt ngoài tầm kiểm soát hợp lý, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: Thiên tai, động đất, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, bệnh dịch, bạo loạn, những đợt khủng hoảng, biến động lớn của toàn bộ thị trường mà những biến động này là kết quả của những tác động, ảnh hưởng tài chính dây chuyền mang tính quốc tế và khu

vực, ... thì Nhà Đầu Tư phải gánh chịu khoản sụt giảm tương ứng của NAV. Trường hợp NAV của Quỹ xuống dưới 10 (mười) tỷ Việt Nam đồng liên tục trong 06 (sáu) tháng, Quỹ sẽ bị giải thể như quy định tại Điều 67 Điều Lệ Quỹ.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đền bù các thiệt hại gây ra cho Quỹ trong các trường hợp như quy định tại khoản 5 Điều 59 Điều Lệ Quỹ.

CHƯƠNG IV - ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 21. Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà Đầu Tư có tên trong danh sách đăng ký Nhà Đầu Tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.
2. Đại Hội Nhà Đầu Tư do Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập và quyết định những nội dung sau:
 - a. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Quỹ;
 - b. Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho: Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát; thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát;
 - c. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất Quỹ; giải thể Quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;
 - d. Phương án phân phối lợi tức;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên Ban Đại Diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo về tình hình, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;
 - f. Xem xét và xử lý vi phạm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và Ban Đại Diện Quỹ gây tổn thất cho Quỹ;
 - g. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát trình sổ sách kế toán hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - h. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật về chứng khoán và Điều Lệ Quỹ.
3. Chương trình và nội dung họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 142 Luật Doanh nghiệp. Tối thiểu 07 (bảy) ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan, đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.
4. Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên được tổ chức trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban Đại Diện Quỹ, cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo UBCKNN. Việc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 22. Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường

1. Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường được triệu tập trong các trường hợp sau:
 - a. Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát, hoặc Ban Đại Diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ.
 - b. Theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư hay nhóm Nhà Đầu Tư đại diện cho ít nhất 5% (năm phần trăm) tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều Lệ Quỹ;
2. Việc tổ chức họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Điều Lệ Quỹ phải được thực hiện trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư.
3. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Điều Lệ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi

thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Điều Lệ Quỹ, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Đại Diện Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều Lệ Quỹ.

Điều 23. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Điều kiện:
 - a. Cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu Tư tham dự đại diện cho trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.
 - b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại mục a khoản 1 Điều 23 Điều Lệ Quỹ, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành họp không phụ thuộc vào số Nhà Đầu Tư tham dự.
2. Thể thức, hình thức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư:
 - a. Hình thức tham gia có thể là trực tiếp hoặc uỷ quyền tham gia hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác). Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
 - b. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ, hoặc một người khác được Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra nếu Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ vắng mặt, sẽ chủ tọa Đại Hội Nhà Đầu Tư. Chủ tọa Đại Hội Nhà Đầu Tư điều hành cuộc họp theo Chương trình họp đã được thông báo đến các Nhà Đầu Tư.
3. Nhà Đầu Tư được coi là tham dự vào biểu quyết tại Đại hội trong các trường hợp sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
4. Mỗi Chứng Chỉ Quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân Hàng Giám Sát, Công Ty Quản Lý Quỹ, Công Ty Kiểm Toán và công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ có quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không có quyền biểu quyết.
5. Tại Đại Hội Nhà Đầu Tư, biểu quyết sẽ được thực hiện dưới hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu hoặc bất kỳ hình thức đáng tin cậy nào khác đã được thống nhất. Theo yêu cầu của Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ bất kỳ biểu quyết nào dưới hình thức giơ tay sẽ được chuyển thành biểu quyết dưới hình thức bỏ phiếu hoặc bất kỳ hình thức đáng tin cậy nào khác đã được thống nhất.
6. Trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 23 Điều Lệ Quỹ, quyết định tại Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi được số Nhà Đầu Tư đại diện cho trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số Chứng Chỉ Quỹ của các Nhà Đầu Tư dự họp tán thành.
7. Nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư về các nội dung quy định tại mục b và c khoản 2 Điều 21 Điều Lệ Quỹ phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư. Trong trường hợp này, quyết định tại Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi được số Nhà Đầu Tư đại diện cho trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số Chứng Chỉ Quỹ của các Nhà Đầu Tư dự họp tán thành.
8. Công Ty Quản Lý Quỹ được lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 23 Điều Lệ Quỹ. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản được quy định như sau và quy định tại Phụ lục 7 của Điều Lệ này:
 - a. Công Ty Quản Lý Quỹ chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết

chậm nhất là 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách Nhà Đầu Tư gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc, gửi thư điện tử hoặc các hình thức hợp pháp khác tới địa chỉ đăng ký của tất cả Nhà Đầu Tư và đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

b. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ; tên, trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập Công Ty Quản Lý Quỹ;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Nhà Đầu Tư là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của Nhà Đầu Tư là tổ chức; số lượng CCQ và số phiếu biểu quyết của Nhà Đầu Tư;
- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Thời hạn phải gửi về Công Ty Quản Lý Quỹ phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ và người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ;

c. Nhà Đầu Tư có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Nhà Đầu Tư là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Nhà Đầu Tư là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

d. Ban đại diện tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Nhà Đầu Tư không phải là thành viên của Ban đại diện hoặc không phải là nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ cùng sự tham gia và giám sát của Ngân Hàng Giám Sát. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ; tên, trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập Công Ty Quản Lý Quỹ;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- Số Nhà Đầu Tư với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó, phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Nhà Đầu Tư tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
 - e. Các thành viên Ban đại diện, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
 - f. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các Nhà Đầu Tư trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Quỹ;
 - g. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - h. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư.
9. Trường hợp lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư dưới hình thức bằng văn bản, nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua nếu số Nhà Đầu Tư đại diện cho trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số Chứng Chỉ Quỹ biểu quyết của tất cả các Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết tán thành.
 10. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ. Trong trường hợp quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ này thì phải tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản.
 11. Trong trường hợp việc biểu quyết được thực hiện thông qua lá phiếu bầu, Nhà Đầu Tư có trên một phiếu bầu sẽ không cần phải bỏ tất cả các lá phiếu với kết quả giống nhau. Quyền biểu quyết bằng việc bỏ các lá phiếu không theo kết quả giống nhau sẽ không áp dụng trong trường hợp việc biểu quyết được thực hiện bằng việc giơ tay.
 12. Trong vòng 07 (bảy) ngày sau khi kết thúc Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm lập biên bản và nghị quyết đại hội và gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 24. Phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Nhà Đầu Tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư về các nội dung quy định tại mục b và c khoản 2 Điều 21 Điều Lệ Quỹ có thể yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ mua lại Chứng Chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ khác cùng thuộc quản lý của Công Ty Quản Lý Quỹ. Yêu cầu này phải được thể hiện bằng văn bản ghi rõ tên, địa chỉ của Nhà Đầu Tư, số tài khoản lưu ký và số lượng Chứng Chỉ Quỹ và gửi cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.
2. Trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 Điều Lệ Quỹ đối với các yêu cầu của Nhà Đầu Tư được gửi tới trụ sở của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối. Trong trường hợp Chứng Chỉ Quỹ được mua lại hoặc chuyển đổi theo Khoản 1 của Điều 24 Điều Lệ Quỹ, Nhà Đầu Tư đó không phải trả Giá Dịch Vụ Mua Lại hoặc Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi. Giá mua lại được xác định trên cơ sở Giá Trị Tài Sản Ròng tại kỳ giao dịch Chứng Chỉ Quỹ gần nhất kể từ khi Công Ty Quản Lý Quỹ nhận được yêu cầu của Nhà Đầu Tư bằng văn bản.

CHƯƠNG V - BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 25. Ban Đại Diện Quỹ

1. Ban Đại Diện Quỹ có 03 (ba) thành viên được bầu tại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc được Nhà Đầu Tư cho ý kiến bằng văn bản. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban Đại Diện Quỹ phải tuân thủ quy định sau:
 - a. Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Đại Diện Quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư để bầu thành viên Ban Đại Diện Quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Đại Diện Quỹ; các lợi ích có liên quan tới Công Ty Quản Lý Quỹ, ngân hàng giám sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan;
 - b. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Đại Diện Quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Đại Diện Quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại mục c khoản 1 Điều 25 Điều Lệ Quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban Đại Diện Quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Đại Diện Quỹ được công bố rõ ràng và được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;
 - c. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban Đại Diện Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và khoản 4 Điều 41 Luật Chứng khoán.
 - Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Đại Diện Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư trên trang thông tin điện tử của Công Ty để Nhà Đầu Tư có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu;
 - Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Đại Diện Quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Điều 154 Luật Doanh nghiệp, Ban Đại Diện Quỹ đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử;
 - Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày bổ nhiệm miễn nhiệm, thay đổi thành viên Ban Đại Diện Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, gửi danh sách Ban Đại Diện Quỹ và hồ sơ cá nhân các thành viên mới của Ban Đại Diện Quỹ;
 - Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ, thành viên Ban Đại Diện Quỹ không còn đáp ứng điều kiện theo quy định, Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ đáp ứng quy định làm thành viên Ban Đại Diện Quỹ tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ cho tới khi Đại Hội Nhà Đầu Tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế;
 - Trong trường hợp người được đại diện theo uỷ quyền của Nhà Đầu Tư tổ chức là thành viên Ban Đại Diện Quỹ, việc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền đó của Nhà Đầu Tư tổ chức là sự kiện để chấm dứt tư cách thành viên của Ban Đại Diện Quỹ đối với người bị thay đổi. Người được cử làm đại diện theo uỷ quyền mới của Nhà Đầu Tư tổ chức nêu trên không đương nhiên trở thành thành viên Ban Đại Diện Quỹ mà chỉ trở thành thành viên Ban Đại Diện Quỹ nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều Lệ Quỹ.
2. Tối thiểu 2/3 số thành viên của Ban Đại Diện Quỹ là các thành viên độc lập theo nguyên tắc sau:
 - a. Không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, hoặc đại

diện theo uỷ quyền của các tổ chức này;

b. Đáp ứng các quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 26 Điều Lệ Quỹ.

3. Ban Đại Diện Quỹ sẽ bao gồm:

- a. Tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán;
- b. Tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản; và
- c. Tối thiểu 01 (một) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán.

Điều 26. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ

1. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ là 05 (năm) năm và có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ phải đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;
 - b. Không bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
 - c. Có chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính hoặc ngân hàng hoặc bảo hiểm hoặc chứng khoán hoặc kế toán hoặc kiểm toán hoặc luật hoặc tốt nghiệp một trường đại học với chuyên ngành thuộc một trong các lĩnh vực vừa nêu;
 - d. Theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 41 Luật Chứng khoán
3. Những người sau đây không được là thành viên Ban Đại Diện Quỹ:
 - a. Những người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Luật Doanh nghiệp, những người sau đây không được là thành viên độc lập Ban Đại Diện Quỹ:
 - Người đang làm việc cho Công Ty Quản Lý Quỹ, công ty mẹ hoặc công ty con của Công Ty Quản Lý Quỹ; người đã từng làm việc cho Công Ty Quản Lý Quỹ, công ty mẹ hoặc công ty con của Công Ty Quản Lý Quỹ ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;
 - Người đang hưởng lương, thù lao từ Công Ty Quản Lý Quỹ, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Ban Đại Diện được hưởng theo quy định;
 - Người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công Ty Quản Lý Quỹ; người quản lý của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc công ty con của Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - Người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - Người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công Ty Quản Lý Quỹ tối thiểu trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ.
 - c. Là thành viên của trên 05 (năm) Ban Đại Diện Quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư, thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Nhà Đầu Tư.
2. Phê duyệt sổ tay định giá NAV của Quỹ; phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; phê

duyệt danh sách tổ chức tín dụng mà Quỹ gửi tiền, công cụ tiền tệ và các tài sản khác mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a và b khoản 3 Điều 9 Điều Lệ Quỹ; chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ trong phạm vi thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức đàm phán và mua hoặc bán chứng khoán chưa niêm yết hoặc chứng khoán chưa đăng ký giao dịch theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều Lệ Quỹ. Trường hợp giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán, Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch. Trường hợp mức giá thực tế mua cao hơn hoặc giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu của các tổ chức cung cấp báo giá hoặc vượt quá khoảng giá đã được chấp thuận, Ban Đại Diện Quỹ xem xét, quyết định dựa trên giải thích lí do của Công Ty Quản Lý Quỹ.

3. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua, phê duyệt thời hạn và thủ tục phân phối lợi tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
4. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát trên cơ sở quy định của Pháp Luật.
5. Quyết định các vấn đề phù hợp với điểm b, c, d, e, f, g, và h của khoản 2 Điều 21 Điều Lệ Quỹ nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền, đảm bảo tính khách quan, trung thực, không xung đột lợi ích.
6. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
7. Gửi UBCKNN và Ngân Hàng Giám Sát biên bản họp và nghị quyết của Ban Đại Diện Quỹ đồng thời cung cấp thông tin về nội dung quyết định cho Nhà Đầu Tư trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày Ban Đại Diện Quỹ quyết định các vấn đề quy định tại khoản 4 Điều 27 Điều Lệ Quỹ.
8. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại Diện Quỹ thông qua trái với pháp luật hoặc Điều Lệ này gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ

1. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và khoản 5 Điều 41 Luật Chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết.
2. Được cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Quỹ;
3. Thực hiện nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của Quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Quỹ.
4. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

Điều 29. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ

1. Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ trong số thành viên Ban Đại Diện Quỹ. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ phải là thành viên độc lập.
2. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ;
 - b. Lập chương trình, kế hoạch hành động của Ban Đại Diện Quỹ;
 - c. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ;
 - d. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ;
 - e. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ cung cấp thông tin về Quỹ và về quá trình thực hiện các quyết

định của Ban Đại Diện Quỹ và Đại Hội Nhà Đầu Tư; và

- f. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp Luật.

Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Đại Diện Quỹ

1. Đại Hội Nhà Đầu Tư miễn nhiệm thành viên Ban Đại Diện Quỹ trong những trường hợp sau đây:
 - a. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 26 của Điều Lệ này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
2. Đại Hội Nhà Đầu Tư bãi nhiệm thành viên Ban Đại Diện Quỹ trong những trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia vào các hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Tiết lộ các bí mật mà những bí mật này đi ngược lại với các lợi ích của Quỹ;
 - c. Bị khởi tố hoặc truy tố;
 - d. Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban Đại Diện Quỹ do quy định của pháp luật hoặc của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định thay thế thành viên Ban Đại Diện Quỹ; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Đại Diện Quỹ ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Ban Đại Diện Quỹ phải triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư để bầu bổ sung thành viên Ban Đại Diện Quỹ trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Ban Đại Diện Quỹ bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều Lệ Quỹ. Trường hợp này, Ban Đại Diện Quỹ phải triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Ban Đại Diện Quỹ giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều Lệ;
 - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu thành viên mới thay thế thành viên Ban Đại Diện Quỹ đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 31. Thủ tục điều hành của Ban Đại Diện Quỹ

1. Trường hợp chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại Diện Quỹ được chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ uỷ quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ.
2. Trường hợp không có người được uỷ quyền, các thành viên Ban Đại Diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất.

Điều 32. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ

1. Chủ Tịch được quyền triệu tập các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ. Ban Đại Diện Quỹ sẽ họp ít nhất mỗi quý một lần. Các cuộc họp bất thường có thể được triệu tập trong trường hợp cần thiết.
2. Trình tự cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên trước 05 (năm) ngày làm việc, đối với các cuộc họp bất thường là 02 (hai) ngày làm việc.
3. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ sẽ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm đa số (trên 50% số thành viên dự họp trở lên). Thành viên có thể dự họp trực tiếp hoặc họp thông qua hình thức điện thoại hội nghị hoặc họp qua các nền tảng trực tuyến như skype, viber, zoom.

4. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc bằng việc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên của Ban Đại Diện Quỹ có một phiếu bầu. Thành viên không thể tham gia cuộc họp có thể chuyển phiếu biểu quyết theo bất cứ hình thức nào đã được nhất trí từ trước cho Chủ Tịch trước hoặc vào thời điểm đang diễn ra cuộc họp.
5. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập dự họp thông qua.
6. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ Tịch và Thư ký được bổ nhiệm cho cuộc họp, cùng liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản các cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ.

Điều 33. Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ

Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban Đại Diện Quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực.

CHƯƠNG VI - CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ

Công Ty Quản Lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Được thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ;
2. Độc lập với Ngân Hàng Giám Sát;
3. Có đầy đủ cơ sở vật chất, nhân sự để quản lý quỹ mở;
4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ Lục 1 và Phụ Lục 3 của Điều Lệ Quỹ.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có các quyền sau:
 - a. Nhận Phí quản lý như quy định tại Điều 60 Điều Lệ Quỹ;
 - b. Quản lý các quỹ khác trong và/hoặc ngoài Việt Nam và tiến hành các hoạt động kinh doanh khác được Pháp Luật cho phép miễn là Công Ty Quản Lý Quỹ đảm bảo có đủ nguồn lực để quản lý hiệu quả các hoạt động đầu tư của Quỹ.
 - c. Tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư và các cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ;
 - d. Đề cử ứng viên thích hợp làm thành viên Ban Đại Diện Quỹ để Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu chọn;
 - e. Quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch của Quỹ và pháp luật.
 - f. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
2. Công Ty Quản Lý Quỹ có các nghĩa vụ sau:
 - a. Công Ty Quản Lý Quỹ phải ban hành quy trình quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; quy trình kiểm soát nội bộ; sổ tay định giá; quy trình về điều kiện, trình tự, thủ tục triệu tập, thể thức tiến hành họp và thông qua quyết định tại Đại Hội Nhà Đầu Tư áp dụng chung cho các quỹ; quy tắc đạo đức nghề nghiệp chi tiết tới từng vị trí công tác.
 - b. Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của khách hàng uỷ thác. Quy định về tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp là điều khoản bắt buộc của hợp đồng lao động giữa công ty và nhân viên.
 - c. Công Ty Quản Lý Quỹ phải thiết lập hệ thống quản trị rủi ro và ban hành chiến lược, chính sách và quy trình quản trị rủi ro phù hợp với mô hình tổ chức, quy mô hoạt động của công ty, các loại hình quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và khách hàng uỷ thác do công ty quản lý. Hệ thống quản trị rủi ro, chiến lược, chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng dựa theo các thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt nam và theo hướng dẫn của UBCKNN.
 - d. Khi quản lý tài sản của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo:
 - Thực hiện việc đầu tư cho Quỹ theo các quy định tại Điều 25 và Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC và Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Điều Lệ Quỹ;
 - Ký hợp đồng giám sát với Ngân Hàng Giám Sát;
 - Thực hiện lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam, lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu và lưu ký bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát.
 - e. Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của khách hàng uỷ thác trên hệ thống tài khoản khách hàng uỷ thác quản lý tại công ty, hệ thống lưu ký tài sản của khách hàng uỷ thác tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát với

các tổ chức phát hành, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt nam và các tổ chức liên quan.

- f. Phân công tối thiểu 02 (hai) người điều hành quỹ để quản lý, điều hành hoạt động đầu tư của mỗi quỹ đầu tư chứng khoán. Người điều hành quỹ phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, có tối thiểu 02 (hai) năm kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại Bản Cáo Bạch.
- g. Công ty phải ban hành quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho khách hàng uỷ thác và cho bản thân công ty. Quy trình phân bổ tài sản phải nêu rõ nguyên tắc thực hiện, phương pháp xác định giá, khối lượng tài sản phân bổ cho từng đối tượng khách hàng uỷ thác, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đầu tư, mức chấp nhận rủi ro của từng khách hàng uỷ thác. Quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản phải được cung cấp cho khách hàng uỷ thác, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát và được áp dụng thống nhất.
- h. Khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ bảo đảm:
 - Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của Quỹ;
 - Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của công ty chứng khoán là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ không được vượt quá 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của Quỹ;

Quy định tại mục h khoản 2 Điều 35 Điều Lệ Quỹ không áp dụng cho Quỹ trong 06 (sáu) tháng hoạt động đầu tiên kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ.
- i. Trong hoạt động quản trị Quỹ và hoạt động đại lý chuyển nhượng, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm bảo đảm:
 - Thực hiện việc xác định NAV của Quỹ, NAV trên một Chứng Chỉ Quỹ theo quy định tại Điều 20 Thông tư 98/2020/TT-BTC, Điều 56, Điều 57, Điều 58 và Phụ lục 4 Điều Lệ Quỹ.
 - Công Ty Quản Lý Quỹ được uỷ quyền hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyển nhượng. Việc uỷ quyền hoạt động tuân thủ quy định tại Điều 12 Thông tư 99/2020/TT-BTC và Điều 42 Điều Lệ Quỹ.
- j. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Ngân Hàng Giám Sát phát hiện và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ về các giao dịch tài sản uỷ thác trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC và Điều 10 Điều Lệ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải huỷ bỏ giao dịch hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục lại danh mục cho Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất. Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, toàn bộ khoản lợi nhuận phải hạch toán cho Quỹ.
- k. Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của công ty hoặc do Công Ty Quản Lý Quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC và Điều 10 và Điều 11 Điều Lệ Quỹ. Việc bồi thường cho Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 36 Thông tư 98/2020/TT-BTC và Điều 59 Điều Lệ Quỹ.
- l. Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền theo quy định pháp luật hiện hành. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thực hiện yêu cầu các đại lý phân phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền.

- m. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của khách hàng, thông tin về giao dịch Chứng Chỉ Quỹ và các thông tin khác liên quan, ngoại trừ trường hợp cung cấp thông tin theo yêu cầu của UBCKNN và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
- n. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm:
- Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức khác. Trường hợp công ty sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và bảo mật, bảo đảm các bộ phận của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của công ty;
 - Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa các hoạt động nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong công ty, trong đó có sự tách biệt giữa hoạt động quản lý tài sản uỷ thác; hoạt động nghiên cứu, phân tích đầu tư; thực hiện đầu tư; hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán;
 - Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa hoạt động đầu tư tài chính của công ty với các hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.
- o. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 10 Thông tư 99/2020/TT-BTC.

Điều 36. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong những trường hợp sau:
 - a. Công Ty Quản Lý Quỹ tự nguyện đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ;
 - b. Theo yêu cầu của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - c. Công Ty Quản Lý Quỹ bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quy định tại Điều 95 Luật Chứng khoán;
 - d. Tổ chức lại Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - e. Quỹ hết thời hạn hoạt động (nếu có).
2. Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư Quỹ để lấy ý kiến về phương án xử lý tài sản và Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế trong trường hợp quy định tại điểm a, c và d khoản 1 Điều 36 Điều Lệ Quỹ.
3. Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế có trách nhiệm đề nghị UBCKNN điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ.
4. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ bị thay thế chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc đăng ký, bàn giao đầy đủ tài sản, chứng từ, sổ sách, thông tin về tài sản của Quỹ, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế. Việc chuyển giao tài sản phải được hoàn tất trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ. Việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ bị thay thế được thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 4 và khoản 5 Điều 27 Thông tư 99/2020/TT-BTC.
5. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ, Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế gửi UBCKNN biên bản bàn giao trách nhiệm và tài sản giữa hai Công Ty Quản Lý Quỹ. Biên bản phải được Ban Đại Diện Quỹ và ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát xác nhận.
6. Công Ty Quản Lý Quỹ bị thay thế phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ nợ, tài sản của Quỹ mà chưa bàn giao đầy đủ cho Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế. Trong trường hợp này,

Công Ty Quản Lý Quỹ bị thay thế chịu trách nhiệm giải quyết và khắc phục những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ khi hoàn tất việc bàn giao tài sản cho Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế.

7. Việc chấm dứt và chuyển giao quyền và nghĩa vụ của công ty quản lý đối với Quỹ và thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ được thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư 99/2020/TT-BTC.
8. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ

Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định tại điểm b, khoản 1 của Điều 36 Điều Lệ Quỹ, Quỹ sẽ phải bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ một khoản tiền (ngoài các khoản tiền dịch vụ đã được quy định tại Điều Lệ Quỹ) theo tỷ lệ như sau:

Chi phí bồi thường	Thời điểm thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ
3%/NAV	Trong vòng 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
1,5%/NAV	Sau 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động

NAV được sử dụng để tính chi phí bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ là NAV bình quân của NAV theo báo cáo NAV của 52 (năm mươi hai) tuần liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận.

Điều 37. Hạn chế đối với hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân Hàng Giám Sát, Ngân Hàng Lưu Ký của Quỹ mà công ty đang quản lý. Thành viên hội đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát và ngược lại.
2. Công Ty Quản Lý Quỹ, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào Quỹ, giao dịch Chứng Chỉ Quỹ mở mà công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các Nhà Đầu Tư khác theo quy định tại Điều 18 Điều Lệ Quỹ.
3. Tất cả giao dịch chứng khoán của thành viên Ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân trên phải bao gồm: tên chứng khoán giao dịch, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu.
4. Trong quá trình kinh doanh, Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa của bất kỳ cá nhân nào hay của Công Ty Quản Lý Quỹ, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hoặc lợi ích nào ngoại trừ các loại giá dịch vụ và thưởng như quy định tại Điều 60 Điều Lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch của Quỹ.
5. Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép:
 - a. Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Quỹ;
 - b. Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào Quỹ đại chúng khác hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khác mà Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;
 - c. Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công Ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, thành viên ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên 10% (mười phần trăm) vốn Điều Lệ.
 - d. Sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào của Công Ty

Quản Lý Quỹ hoặc của người có liên quan đến Công Ty Quản Lý Quỹ, hoặc trả nợ cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc cho người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc trả nợ cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khác. Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật.

- e. Công Ty Quản Lý Quỹ không được uỷ quyền, thuê ngoài các tổ chức tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ.
- f. Thực hiện bất cứ hoạt động nào vi phạm pháp luật và vi phạm các hạn chế trong hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ.

7
NG
PI
JAY
Đ.
HTY
P

CHƯƠNG VII - NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát

Ngân Hàng Giám Sát được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp, thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng;
2. Ngân Hàng Giám Sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công Ty Quản Lý Quỹ;
3. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký;
4. Thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 Điều Lệ Quỹ;
5. Nếu phát sinh các trường hợp khiến Ngân Hàng Giám Sát không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 117 Luật Chứng khoán và khoản 1, khoản 2 Điều 38 Điều Lệ Quỹ, trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh, Ngân Hàng Giám Sát phải thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ và UBCKNN.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát

Ngân hàng giám sát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 74, Điều 75 Thông tư 98/2020/TT-BTC và Điều 39 Điều Lệ Quỹ.

1. Nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát
 - a. Ngân Hàng Giám Sát luôn hoạt động vì lợi ích tốt nhất của Nhà Đầu Tư Quỹ;
 - b. Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;
 - c. Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản quy theo quy định tại Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều 39 Điều Lệ Quỹ;
 - d. Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều 39 Điều Lệ Quỹ;
 - e. Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát và tài sản của chính Ngân Hàng Giám Sát;
 - f. Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi uỷ thác cho tổ chức lưu ký phụ;
 - g. Giám sát hoặc tính toán NAV của Quỹ ít nhất là 02 lần/tháng phù hợp với các quy định pháp luật và Điều Lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán NAV của Quỹ là chính xác;
 - h. Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân Hàng Giám Sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều Lệ Quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công Ty Quản Lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;
 - i. Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - j. Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều Lệ Quỹ;
 - k. Thanh toán tiền cho Nhà Đầu Tư của Quỹ khi Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư, hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà Đầu Tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ, theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với Điều 16 và Điều 67 Điều Lệ Quỹ;

- I. Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số Chứng Chỉ Quỹ phát hành, số Chứng Chỉ Quỹ sở hữu bởi từng Nhà Đầu Tư, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, địa chỉ và cập nhật tất cả những thay đổi nếu có.
2. Quyền của Ngân Hàng Giám Sát
 - a. Được quyền kiểm tra Công Ty Quản Lý Quỹ; rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của Nhà Đầu Tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ để Ngân Hàng Giám Sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật;
 - b. Được quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không được quyền biểu quyết;
 - c. Được quyền nhận Phí giám sát và lưu ký phù hợp với hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát, Điều Lệ này và pháp luật.
3. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Ngân Hàng Giám Sát phải phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Nhà Đầu Tư theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư và Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân Hàng Giám Sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định NAV của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 40. Hoạt động giám sát của Ngân Hàng Giám Sát

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân Hàng Giám Sát thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân Hàng Giám Sát phải:
 - a. Phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định NAV của Quỹ; giám sát việc xác định NAV; kiểm tra, đảm bảo NAV trên một Chứng Chỉ Quỹ, NAV trên một lô Chứng Chỉ Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ.
 - b. Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ; Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của Pháp Luật, Ngân Hàng Giám Sát phải báo cáo ngay cho UBCKNN và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ trong vòng 24 giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định;
 - c. Giám sát việc tổ chức thực hiện và kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ;
 - d. Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của Quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định tại Điều Lệ Quỹ;
 - e. Giám sát các hoạt động khác của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và tại Điều Lệ Quỹ;
 - f. Xác nhận các báo cáo về NAV, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ lập.

2. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian 10 (mười) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát đối với Công Ty Quản Lý Quỹ theo các quy định của Pháp Luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.
3. Khi có yêu cầu bằng văn bản của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
4. Ngân Hàng Giám Sát có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà Quỹ đầu tư để Ngân Hàng Giám Sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu thông tin nhận được từ Công Ty Quản Lý Quỹ.
5. Ngân Hàng Giám Sát được cung cấp dịch vụ xác định NAV của Quỹ. Bộ phận cung cấp dịch vụ xác định NAV tại Ngân Hàng Giám Sát phải tách biệt về tổ chức nhân sự, hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử khách hàng, đối với các bộ phận thực hiện chức năng giám sát và các bộ phận kinh doanh khác của Ngân Hàng Giám Sát. Bộ phận cung cấp dịch vụ xác định NAV phải có nhân viên có chứng chỉ kế toán trưởng hoặc chứng chỉ kiểm toán hoặc kết toán hoặc các chứng chỉ quốc tế trong lĩnh vực kế toán ACCA (Association of Chartered Certified Accountants), CPA (Certified Public Accountants), CA (Chartered Accountants), ACA (Associate Chartered Accountants) hoặc bằng đại học trở lên chuyên ngành kế toán, kiểm toán.
6. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không tiến hành thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế Quỹ trong thời gian quy định tại khoản 6 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 05 (năm) ngày, kể từ ngày Ngân Hàng Giám Sát gửi thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ. Trong trường hợp này, Ngân Hàng Giám Sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ vi phạm các quy định của pháp luật và các quy định tại Điều 10 Điều Lệ Quỹ.
7. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu Tư, Ngân Hàng Giám Sát phải phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Quỹ, Nhà Đầu Tư theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát liên đới cùng với Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu Tư trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân Hàng Giám Sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định NAV của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của Pháp Luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 41. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát, ngân hàng lưu ký

1. Ngân Hàng Giám Sát, ngân hàng lưu ký có thể chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Chứng khoán;
 - b. Đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát;
 - c. Quỹ, công ty đầu tư chứng khoán hết thời gian hoạt động; bị giải thể, bị chia, bị tách, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - d. Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ;

2. Nếu Ngân Hàng Giám Sát, ngân hàng lưu ký đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát, lưu ký được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát, ngân hàng lưu ký, thì Ngân Hàng Giám Sát, ngân hàng lưu ký phải có thông báo trước ít nhất 06 (sáu) tháng cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát, ngân hàng lưu ký chỉ có thể chấm dứt hợp đồng giám sát, lưu ký nếu việc chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát, ngân hàng lưu ký cho Ngân Hàng Giám Sát, ngân hàng lưu ký mới do Quỹ lựa chọn được hoàn thành.
3. Trường hợp thay đổi ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký, Quỹ thông qua Công Ty Quản Lý Quỹ báo cáo UBCKNN và đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký chỉ chấm dứt tại thời điểm khi đã hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký thay thế. Ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký thay thế phải lập và gửi UBCKNN biên bản bàn giao giữa hai ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký có xác nhận của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ban Đại Diện Quỹ.
4. Việc chấm dứt và chuyển giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát, ngân hàng lưu ký được thực hiện theo quy định tại khoản 10, 11 và 12 Điều 75 Thông tư 98/2020/TT-BTC.

CHƯƠNG VIII - CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÓ LIÊN QUAN

Điều 42. Các hoạt động được ủy quyền

1. Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền thuê bên thứ ba làm nhà cung cấp dịch vụ quản trị quỹ đầu tư, dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các dịch vụ khác được phép thuê bên thứ ba theo luật quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư 99/2020/TT-BTC.
2. Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền cho ngân hàng lưu ký, Ngân Hàng Giám Sát, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (hiện là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam) thực hiện các dịch vụ quản trị quỹ, đại lý chuyển nhượng cho Quỹ.

Điều 43. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan

Khi thực hiện ủy quyền các hoạt động quy định tại Điều 42 Điều Lệ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư 99/2020/TT-BTC.

1. Bên nhận ủy quyền phải có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm để thực hiện hoạt động được ủy quyền;
2. Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức, nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo;
3. Các thông tin cơ bản của bên nhận ủy quyền, phạm vi hoạt động, chức năng nhiệm vụ của bên nhận ủy quyền phải được công bố tại Bản Cáo Bạch. Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ thay đổi tổ chức nhận ủy quyền nếu xét thấy cần thiết.

Điều 44. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan

1. Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện công việc theo đúng phạm vi công việc đã được ủy quyền và chịu trách nhiệm trong phạm vi đã được ủy quyền phù hợp với pháp luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công Ty Quản Lý Quỹ báo cáo kiểm toán độc lập đối với hoạt động ủy quyền, các tài liệu phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công Ty Quản Lý Quỹ như quy định tại Khoản 3 Điều 12 Thông tư 99/2020/TT-BTC và Điều 45 Điều Lệ Quỹ.
2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền:
 - a. Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư bao gồm các hoạt động sau:
 - Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ;
 - Lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ;
 - Xác định NAV của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ, NAV trên một Chứng Chỉ Quỹ theo quy định tại Điều 20 Thông tư 98/2020/TT-BTC và Điều 56 Điều Lệ Quỹ;
 - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ và Điều Lệ Quỹ.
 - b. Dịch vụ đại lý chuyển nhượng gồm những hoạt động sau:
 - Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản cá nhân, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ mở;
 - Ghi nhận các lệnh hoán đổi danh mục, lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư; chuyển quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ; cập nhật sổ chính;

- Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư;
 - Tổ chức các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ, Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ, duy trì kênh liên lạc với Nhà Đầu Tư, Đại Lý Phân Phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác theo quy định tại Hợp đồng Đại Lý Chuyển Nhượng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.
3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu. Các chứng từ, sổ sách liên quan đến dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn theo yêu cầu của pháp luật. Tổ chức nhận ủy quyền có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và hiệu quả.
 4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà Đầu Tư và đối tác của Công Ty Quản Lý Quỹ;
 5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công Ty Quản Lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Điều 45. Trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ.
2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất, bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động ủy quyền.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này.
4. Công Ty Quản Lý Quỹ phải duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền.
5. Xây dựng quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền.
6. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu Tư.
7. Công Ty Quản Lý Quỹ cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;
8. Công Ty Quản Lý Quỹ phải lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.
9. Tối thiểu một năm một lần, Công Ty Quản Lý Quỹ phải lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động ủy quyền với các nội dung sau:
 - a. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của Quỹ;

- b. Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quỹ;
- c. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho Công Ty Quản Lý Quỹ);
- d. Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu Tư.

Điều 46. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a. Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình;
 - b. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị phá sản hoặc giải thể;
 - c. Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
 - d. Tổ chức nhận ủy quyền bị hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi tổ chức khác;
 - e. Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - f. Theo đề nghị của Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - g. Quỹ bị sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - h. Quỹ bị giải thể.
2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt khi mọi quyền và nghĩa vụ của tổ chức nhận ủy quyền được bàn giao đầy đủ cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc cho tổ chức mà Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ định phù hợp với quy định của Pháp Luật và hợp đồng được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và tổ chức nhận ủy quyền.

CHƯƠNG IX - ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DANH

Điều 47. Điều kiện lựa chọn Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ

Tổ chức được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn làm Đại Lý Phân Phối phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ là công ty chứng khoán, Công Ty Quản Lý Quỹ, ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại và tổ chức kinh tế khác đã có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ.
2. Đại Lý Phân Phối không phải là công ty chứng khoán, Công Ty Quản Lý Quỹ, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại không được:
 - a. Làm đại lý ký danh;
 - b. Đồng thời làm Đại Lý Phân Phối cho Công Ty Quản Lý Quỹ khác nếu không được chấp thuận của Công Ty Quản Lý Quỹ mà mình đang làm Đại Lý Phân Phối.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn Đại Lý Phân Phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà Đầu Tư. Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất của đại lý, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công Ty Quản Lý Quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu. Công Ty Quản Lý Quỹ phải thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động của Đại Lý Phân Phối là phù hợp với quy định của pháp luật và các điều khoản tại hợp đồng Đại Lý Phân Phối.
4. Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ đáp ứng yêu cầu của pháp luật;
5. Có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi giao dịch muợn sau thời Điểm Nhận Lệnh, ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai Chứng Chỉ Quỹ theo thông lệ quốc tế.

Điều 48. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối

Hoạt động của Đại Lý Phân Phối bao gồm:

1. Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;
2. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu Tư tới Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại Lý Phân Phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư;
3. Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sở chính, xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu Tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định tại Điều 15 Thông tư 98/2020/TT-BTC;
4. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu Tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu Tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu Tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư; cung cấp cho nhà đầu tư Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ;
5. Hỗ trợ Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà Đầu Tư;

6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.

Điều 49. Hoạt động của đại lý ký danh

1. Thực hiện chức năng Đại Lý Phân Phối quy định tại khoản 1 Điều 48 Điều Lệ này đối với Nhà Đầu Tư đăng ký giao dịch trên tài khoản của Nhà Đầu Tư;
2. Lập và quản lý sổ phụ đối với Nhà Đầu Tư đăng ký giao dịch trên tài khoản ký danh; lập và quản lý hệ thống tiểu khoản; cập nhật và cung cấp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu Tư, bao gồm cả thông tin về sở hữu, thông tin về giao dịch cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;
3. Thực hiện lệnh giao dịch cho tài khoản ký danh trên cơ sở tổng hợp các lệnh giao dịch từ Nhà Đầu Tư, bảo đảm lệnh mua được thực hiện đầy đủ, lệnh bán được phân bổ một cách công bằng và việc thanh toán được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật;
4. Thực hiện mọi chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động của Đại Lý Phân Phối theo quy định của pháp luật.
5. Đại lý ký danh phải tuân thủ quy định sau:
 - a. Tài sản trên tài khoản ký danh không thuộc sở hữu của đại lý ký danh, mà thuộc quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư tại sổ phụ. Các Nhà Đầu Tư này được thừa hưởng mọi quyền lợi và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu tương ứng với số Chứng Chỉ Quỹ đang nắm giữ có trên tài khoản ký danh. Nhà Đầu Tư có quyền yêu cầu đại lý ký danh thực hiện việc chuyển quyền sở hữu số Chứng Chỉ Quỹ có trên tài khoản ký danh sang tài khoản của Nhà Đầu Tư (nếu có);
 - b. Đại lý ký danh phải quản lý tách biệt tiền, tài sản của từng Nhà Đầu Tư; quản lý tách biệt tiền và tài sản của Nhà Đầu Tư với tiền, tài sản của chính mình. Đại lý ký danh muốn giao dịch chứng chỉ quỹ cho chính mình thì phải mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ độc lập với tài khoản ký danh;
 - c. Đại lý ký danh không được sử dụng tiền, tài sản của Nhà Đầu Tư dưới mọi hình thức; không được gửi, rút, chuyển khoản, thực hiện các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà Đầu Tư trên tài khoản ký danh; không được nhận uỷ quyền của Nhà Đầu Tư thực hiện chuyển tiền, tài sản giữa các tiểu khoản của các Nhà Đầu Tư. Các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà Đầu Tư chỉ được phép thực hiện nếu phù hợp với quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư;
 - d. Đại lý ký danh phải mở tài khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát để nhận và thanh toán tiền cho các giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu Tư. Đại lý ký danh chỉ được sử dụng tài khoản này để thanh toán cho các giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu Tư hoặc trả lại tiền cho đúng Nhà Đầu Tư đã chuyển tiền nếu có yêu cầu.
6. Ngân Hàng Giám Sát, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan, Công Ty Quản Lý Quỹ, đại lý ký danh phải xây dựng hệ thống hoặc có cơ chế phối hợp để thường xuyên kiểm tra, đối soát các hoạt động của tài khoản ký danh, đảm bảo:
 - a. Theo dõi được chính xác tại mọi thời điểm số dư tiền (nếu có) của từng Nhà Đầu Tư trên tài khoản này và cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác về số dư tiền (nếu có) theo yêu cầu bằng văn bản của Nhà Đầu Tư, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
 - b. Tiền (nếu có) của Nhà Đầu Tư không bị lạm dụng hoặc sử dụng mà chưa được uỷ quyền của Nhà Đầu Tư bằng văn bản. Trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm quy định này, Ngân Hàng Giám Sát, Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan có trách nhiệm báo cáo Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho Nhà Đầu Tư trong thời hạn 24 giờ;
 - c. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được các khoản thanh toán từ Quỹ hoặc

từ Nhà Đầu Tư tham gia vào Quỹ, đại lý ký danh phải hoàn tất việc thanh toán cho Nhà Đầu Tư theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, hoặc thanh toán cho Quỹ theo chỉ thị của Nhà Đầu Tư.

Điều 50. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ

1. Đại Lý Phân Phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với Nhà Đầu Tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà Đầu Tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà Đầu Tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà Đầu Tư.
2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng Chỉ Quỹ sau khi Nhà Đầu Tư đã được cung cấp đầy đủ Điều Lệ và Bản Cáo Bạch của Quỹ, Bản Cáo Bạch tóm tắt, hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà Đầu Tư hiểu được các nội dung tại Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, giá dịch vụ và các chi phí khác; cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ.
3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà Đầu Tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.
4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Chứng Chỉ Quỹ. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để Nhà Đầu Tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà Đầu Tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào Quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà Đầu Tư.
5. Đại Lý Phân Phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà Đầu Tư, thông tin về giao dịch của Nhà Đầu Tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà Đầu Tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
6. Đại Lý Phân Phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng Chỉ Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công Ty Quản Lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ, ngoài các mức Giá dịch vụ đã được công bố tại Bản Cáo Bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.
7. Đại Lý Phân Phối không được phân phối Chứng Chỉ Quỹ tại các địa điểm phân phối chưa đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép hoạt động theo quy định của Pháp Luật hoặc chưa thông báo với UBCKNN. Đại Lý Phân Phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ, nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ khi phân phối Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư.
8. Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công Ty Quản Lý Quỹ.

CHƯƠNG X - KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 51. Tiêu chuẩn lựa chọn công ty kiểm toán

Công ty kiểm toán của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ đề cử để Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật và không được là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát. Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất với Đại Hội Nhà Đầu Tư ít nhất 02 (hai) công ty kiểm toán để kiểm toán cho Quỹ.

Điều 52. Năm tài chính

Năm tài chính là giai đoạn 12 (mười hai) tháng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên sẽ bắt đầu từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trong trường hợp, thời gian tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đến ngày 31 tháng 12 của năm còn dưới 03 (ba) tháng, năm tài chính đầu tiên sẽ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 53. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến kế toán do các cơ quan có thẩm quyền quy định. Đồng Việt Nam sẽ là đồng tiền được sử dụng.

Điều 54. Báo cáo tài chính

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm duy trì sổ sách kế toán và chuẩn bị báo cáo tài chính cho Quỹ. Phù hợp với quy định tại Điều Lệ này, Công Ty Quản Lý Quỹ có thể ủy quyền cho một nhà cung cấp dịch vụ để thực hiện công việc này. Mọi sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Quỹ sẽ được lưu tại văn phòng của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc của nhà cung cấp dịch vụ mà Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền. Ban Đại Diện Quỹ có quyền kiểm tra bất kỳ báo cáo, sổ sách kế toán, hoặc tài liệu nào của Quỹ.
2. Tất cả các báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cùng với báo cáo kiểm toán độc lập bao gồm cả mọi tài liệu buộc phải đính kèm khác theo yêu cầu của Pháp Luật sẽ được trình bày tại Đại Hội Nhà Đầu Tư và giao hoặc gửi cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu của Pháp Luật.

Điều 55. Báo cáo khác

Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động của Quỹ.

CHƯƠNG XI - GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 56. Xác định NAV của Quỹ

Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác định NAV của Quỹ và NAV trên một Chứng Chỉ Quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ.

1. NAV của Quỹ và NAV trên một Chứng Chỉ Quỹ phải được xác định theo Ngày Giao Dịch, đảm bảo định kỳ một lần một tuần và hàng tháng (để phục vụ công việc báo cáo NAV tháng) và phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng cho Nhà Đầu Tư sau khi có xác nhận của Ngân Hàng Giám Sát và có giá trị cho đến khi có thông báo mới.
2. NAV của Quỹ, NAV trên một Chứng Chỉ Quỹ phải được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận. Việc xác nhận NAV phải được thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân Hàng Giám Sát đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận.
3. Các NAV theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 56 Điều Lệ Quỹ phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho Nhà Đầu Tư được thực hiện tại ngày làm việc tiếp theo của Ngày Định Giá. Nội dung thông tin về Giá Trị Tài Sản Ròng thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC.

Điều 57. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

1. Tổ chức cung cấp báo giá là công ty chứng khoán, Công Ty Quản Lý Quỹ, các hệ thống báo giá được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn để cung cấp báo giá tài sản không phải là chứng khoán niêm yết hoặc chứng khoán đăng ký giao dịch.
2. Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ lựa chọn và trình Ban Đại Diện Quỹ để phê duyệt danh sách của tối thiểu 03 (ba) tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật, có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá và không được là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 58. Nguyên tắc, phương pháp và quy trình xác định NAV của Quỹ

1. NAV của Quỹ được xác định bằng Tổng giá trị tài sản có trong danh mục trừ Tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định Giá (Ngày T-1). NAV được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn NAV của Quỹ được hạch toán vào Quỹ. Trường hợp không có giá thị trường tại Ngày Giao Dịch gần nhất hoặc giá thị trường có nhiều biến động theo quy định tại Điều Lệ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ được sử dụng giá trị hợp lý xác định theo nguyên tắc, phương pháp đã được quy định tại Sổ Tay định giá của Quỹ hoặc sau khi đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản.
2. NAV trên một Chứng Chỉ Quỹ bằng NAV của Quỹ chia cho tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành tại Ngày Giao Dịch gần nhất trước đó.
3. Phương pháp xác định NAV của Quỹ: Việc xác định Giá trị thị trường các tài sản của Quỹ thực hiện theo phương pháp quy định tại Phụ lục số 4 – Phương pháp xác định giá trị tài sản, ban hành kèm theo Điều Lệ Quỹ, trong đó:
 - a. Đối với trái phiếu niêm yết: Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế;
 - b. Đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch: Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá;

- c. Đối với các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác: Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại Diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ;
- d. Đối với các tài sản được phép đầu tư, chưa niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán: Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo thứ tự ưu tiên trong Sổ tay định giá hoặc phương pháp khác được Ban Đại Diện Quỹ thông qua.

4. Quy trình xác định NAV của Quỹ:

- a. Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định NAV của Quỹ, NAV của một Chứng Chỉ Quỹ dựa trên phương pháp định giá được quy định tại khoản 3 Điều 58 Điều Lệ Quỹ.
- b. Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát xác định giá trị NAV, NAV trên một Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ theo quy định tại Điều 43 Điều Lệ Quỹ. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định NAV được tính chính xác và phù hợp sổ tay định giá, Điều Lệ Quỹ và các quy định của pháp luật.
- c. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát hiện NAV bị định giá sai, Ngân Hàng Giám Sát phải thông báo và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát cung cấp dịch vụ xác định NAV.
- d. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện NAV bị định giá sai, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát (trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát cung cấp dịch vụ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát cùng ký xác nhận.
- e. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày NAV của Quỹ giảm xuống dưới 30 (ba mươi) tỷ đồng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đề xuất phương án khắc phục.

Điều 59. Đền bù thiệt hại cho Quỹ và Nhà Đầu Tư

- 1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu Tư giao dịch Chứng Chỉ Quỹ khi định giá sai NAV của Quỹ với các mức sai lệch như sau: Đạt từ 0,75% (không phải bảy mươi lăm phần trăm) NAV của Quỹ trở lên
- 2. Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng phương án khắc phục, đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu Tư theo trình tự sau đây:
 - a. Xác định lại NAV tại các kỳ định giá sai vượt mức;
 - b. Xác định các khoản đền bù cho Quỹ, Nhà Đầu Tư tại các kỳ định giá sai. Công Ty Quản Lý Quỹ không phải đền bù cho những Nhà Đầu Tư thiệt hại ít hơn 100.000 (một trăm nghìn) đồng, nhưng toàn bộ khoản tiền thanh toán của Công Ty Quản Lý Quỹ phải được đưa vào Quỹ, trừ trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định khác;
 - c. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ Ngày Định Giá lại NAV, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về phương án đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu Tư. Phương án đền bù thiệt hại phải nêu rõ nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian Quỹ bị định giá sai, mức độ thiệt hại của Quỹ, Nhà Đầu Tư, kèm theo danh sách, mức đền bù của từng Nhà

Đầu Tư.

- d. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày báo UBCKNN, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tiến hành các thủ tục đền bù cho Quỹ và Nhà Đầu Tư.
3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:
 - a. Đối với Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và bán Chứng Chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng Chỉ Quỹ Nhà Đầu Tư đã bán;
 - b. Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng Chỉ Quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành.
4. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:
 - a. Đối với Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng Chỉ Quỹ Nhà Đầu Tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai;
 - b. Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng Chỉ Quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó.
5. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đền bù các thiệt hại gây ra cho Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a. Không tuân thủ chính sách đầu tư, đầu tư vào các tài sản bị hạn chế theo quy định pháp luật và Điều Lệ Quỹ;
 - b. Sử dụng vốn vay trái mục đích, không phù hợp với quy định của pháp luật, hoặc vay vượt quá các hạn mức vay đã được quy định khoản 9 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC và Điều 11 Điều Lệ Quỹ;
 - c. Đầu tư vượt các hạn chế đầu tư, trừ các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT – BTC và khoản 2 Điều 10 Điều Lệ Quỹ.
6. Mức đền bù cho Quỹ trong các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 59 Điều Lệ Quỹ được xác định trên cơ sở thiệt hại phát sinh từ phần đầu tư trái quy định, vượt hạn mức, chi phí vay. Trường hợp các hoạt động đầu tư, kinh doanh nêu trên có phát sinh lợi nhuận phải hạch toán toàn bộ lợi nhuận vào cho Quỹ.
7. Việc thanh toán các khoản đền bù cho Quỹ, Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 59 Điều Lệ Quỹ được thực hiện thông qua Ngân Hàng Giám Sát. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xây dựng cơ chế phối hợp thanh toán với Ngân Hàng Giám Sát để kịp thời ra các chỉ thị thanh toán cho Nhà Đầu Tư và Quỹ.
8. Việc bồi thường thiệt hại cho Nhà Đầu Tư và Quỹ phải được Công Ty Quản Lý Quỹ báo cáo tại báo cáo hoạt động hằng năm của Quỹ theo quy định tại khoản 2 Điều 79 Thông tư 98/2020/TT-BTC, trong đó nêu rõ nguyên nhân, lý do, mức độ ảnh hưởng, số lượng Nhà Đầu Tư có quyền lợi bị ảnh hưởng đã được đền bù, mức đền bù cho mỗi Nhà Đầu Tư, mức đền bù cho Quỹ, hình thức đền bù, phương thức thanh toán và các hoạt động khắc phục khác (nếu có).

CHƯƠNG XII - GIÁ DỊCH VỤ, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 60. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ, và giá dịch vụ lưu ký, giám sát

1. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ

- a. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ được trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý quỹ. Giá dịch vụ quản lý được tính theo tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ.
- b. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ là 1% (Một phần trăm) NAV/năm.
- c. Thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định.
- d. Trong mọi trường hợp, tổng Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ, Giá dịch vụ quản trị quỹ và Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng không vượt quá mức tối đa 2% (hai phần trăm) NAV/năm.
- e. Số tiền dịch vụ phải trả hàng tháng là tổng số tiền dịch vụ được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- f. Công thức tính Giá dịch vụ quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ % Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ tính theo năm đang được áp dụng x NAV tại Ngày Định Giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).

- g. Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ trong tháng được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản lý trong tháng = [Tỷ lệ % Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ tính theo năm đang được áp dụng x NAV tại Ngày Định Giá của kỳ đầu tiên trong tháng x Số ngày thực tế từ đầu tháng đến Ngày Định Giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ quản lý của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ tính theo năm đang được áp dụng x NAV tại Ngày Định Giá cuối tháng x Số ngày thực tế còn lại trong tháng / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)].

2. Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giám Sát

Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giám Sát được trả cho Ngân Hàng Giám Sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ và giám sát hoạt động của Công Quản Lý Quỹ. Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giám Sát được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ.

Mức Giá dịch vụ được quy định chi tiết tại Phụ lục số 5 của Điều Lệ Quỹ.

Điều 61. Thu nhập của quỹ

Thu nhập của quỹ bao gồm các khoản sau đây:

1. Cổ tức;
2. Lãi trái phiếu;
3. Lãi tiền gửi;
4. Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của quỹ;
5. Các khoản thu nhập khác (nếu có) phát sinh từ việc đầu tư tài sản của quỹ.

Điều 62. Chi phí hoạt động của Quỹ

1. Chi phí cho dịch vụ quản lý quỹ: Theo khoản 1 Điều 60 Điều Lệ Quỹ.
2. Chi phí cho dịch vụ lưu ký, giám sát: Theo khoản 2 Điều 60 Điều Lệ Quỹ.
 - a. Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ trả cho Ngân Hàng Giám Sát là: 0,03%/năm trên NAV, tối thiểu 15

triệu đồng/tháng.

- b. Số tiền dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- c. Công thức tính Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % Phí dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại Ngày Định Giá x số ngày theo lịch thực tế thực tế của chu kỳ định giá/ Số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).

Trường hợp phải xác định NAV hàng tháng thì Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ được xác định như sau:

Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ trong tháng = [Tỷ lệ % Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ (năm) x NAV tại Ngày Định Giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến Ngày Định Giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) + Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ (năm) x NAV tại Ngày Định Giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/số ngày thực tế của năm (356 hoặc 366)].

- d. Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng và các chi phí khác mà Công Ty Quản Lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan chi tiết tại Phụ lục số 6 Điều Lệ Quỹ.
 - e. Lệ phí xin Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng Chỉ Quỹ và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ.
 - f. Chi phí lưu ký tài sản Quỹ, thanh toán, xử lý hồ sơ giao dịch trả cho ngân hàng lưu ký hoặc Ngân Hàng Giám Sát.
- 3. Giá dịch vụ kiểm toán: Giá dịch vụ kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.
 - 4. Giá dịch vụ định giá độc lập cho các khoản đầu tư cụ thể của Quỹ (chỉ khi cần thiết), ví dụ như định giá các khoản chứng khoán chưa niêm yết;
 - 5. Phụ cấp Ban Đại Diện Quỹ: Các chi phí của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Chi phí này bao gồm các chi phí phát sinh từ hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ phục vụ cho lợi ích của Quỹ, các chi phí bảo hiểm đối với trách nhiệm phát sinh cho Ban Đại Diện Quỹ khi thực hiện nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua tại Đại Hội Nhà Đầu Tư.
 - 6. Chi phí môi giới, chuyển nhượng các giao dịch tài sản của Quỹ phải trả cho Công ty chứng khoán không bao gồm bất kỳ một loại giá dịch vụ nào khác, kể cả đó là giá dịch vụ phải trả cho dịch vụ khác hoặc giá dịch vụ trả cho bên thứ ba.
 - 7. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ pháp lý khác.
 - 8. Chi phí liên quan đến thực hiện việc chuyển đổi Ngân Hàng Lưu Ký, Ngân Hàng Giám Sát (nếu có) hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác;
 - 9. Chi phí pháp lý liên quan đến hoạt động và các giao dịch của Quỹ được Pháp Luật cho phép;

Điều 63. Chi phí khác

- 1. Chi phí in ấn dự thảo và gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư, chi phí công bố thông tin của Quỹ theo quy định pháp luật; Chi phí phát sinh cho bất kỳ cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và Ban Đại Diện Quỹ và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ;
- 2. Thuế và các loại giá dịch vụ bắt buộc của Chính phủ áp dụng cho Quỹ; và
- 3. Các chi phí khác được pháp luật cho phép.

Điều 64. Phân chia lợi tức của Quỹ

1. Hình thức phân chia lợi tức bằng tiền hoặc bằng Chứng Chỉ Quỹ. Việc phân chia lợi tức bằng Chứng Chỉ Quỹ phải được sự chấp nhận trước Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc được sự chấp nhận của Ban Đại Diện Quỹ (nếu Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều Lệ Quỹ). Lịch trình, kế hoạch phân chia lợi tức đã được thông qua phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.
2. Tối thiểu 15 (mười lăm) ngày trước khi phân phối lợi tức, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo đến Nhà Đầu Tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC.
3. Trường hợp Nhà Đầu Tư đã chuyển nhượng số Chứng Chỉ Quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Nhà Đầu Tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người được nhận lợi tức.
4. Việc chi trả lợi tức Quỹ bảo đảm nguyên tắc:
 - a. Lợi tức phân phối cho Nhà Đầu Tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế tài chính theo quy định pháp luật;
 - b. Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều Lệ Quỹ và được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua;
 - c. Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và NAV của Quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không thấp hơn 50 (năm mươi) tỷ đồng;
 - d. Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
5. Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại Bản Cáo Bạch sửa đổi, bổ sung.

CHƯƠNG XIII - TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ

Điều 65. Hợp nhất, sáp nhập Quỹ

1. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ được thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư 98/2020/TT-BTC. Việc hợp nhất sáp nhập Quỹ phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua và phải được UBCKNN chấp thuận.
2. Công Ty Quản Lý Quỹ được tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày để hoàn tất việc hợp nhất, sáp nhập, trừ trường hợp mua lại hoặc chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư phản đối việc hợp nhất, sáp nhập.
3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ của quỹ hình thành sau hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm tiếp nhận và thực hiện các lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của quỹ hợp nhất, quỹ nhận sáp nhập.

Điều 66. Chia, tách Quỹ

1. Việc chia, tách quỹ phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua và phải được UBCKNN chấp thuận. Tối thiểu 30 (ba mươi) ngày trước ngày họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải cung cấp cho Nhà Đầu Tư các tài liệu liên quan tới việc chia, tách Quỹ bao gồm:
 - a. Phương án chia, tách Quỹ;
 - b. Dự thảo Điều Lệ các quỹ hình thành sau khi chia, tách.
2. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thay mặt Quỹ hoàn trả đầy đủ tất cả các khoản nợ, thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Quỹ trước khi chia, tách Quỹ.
3. Ngày chia, tách Quỹ là ngày Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định chia, tách Quỹ. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định chấp thuận chia, tách Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan có trách nhiệm chia, tách danh mục đầu tư của Quỹ và thực hiện các thủ tục đăng ký sở hữu các tài sản cho các quỹ mới hình thành sau chia, tách theo quy định của pháp luật.
4. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ của các quỹ hình thành sau chia, tách có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, đại lý ký danh có trách nhiệm:
 - a. Hoàn tất việc lập sổ chính sổ phụ của các quỹ mới hình thành sau khi chia, tách;
 - b. Xác định NAV của Quỹ, NAV trên một Chứng Chỉ Quỹ sau chia, tách;
 - c. Xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ từ Nhà Đầu Tư sau chia, tách;
 - d. Công bố thông tin về việc chia, tách Quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 67. Giải thể Quỹ

1. Việc giải thể Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.
2. Việc giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
 - a. Công Ty Quản Lý Quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban Đại Diện Quỹ không xác lập được Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế trong vòng 02 (hai) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - b. Ngân Hàng Giám Sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát hoặc bị Công Ty Quản Lý Quỹ chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công Ty Quản Lý Quỹ không xác lập được Ngân Hàng Giám Sát thay thế trong vòng 02 (hai) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - c. Quỹ kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều Lệ Quỹ và trong Giấy Chứng nhận đăng ký lập quỹ mà không được gia hạn (đối với Quỹ có thời hạn hoạt động);

- d. Giải thể Quỹ theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - e. NAV của Quỹ xuống dưới 10 (mười) tỷ đồng liên tục trong 06 (sáu) tháng.
3. Đại Hội Nhà Đầu Tư thống nhất ngày giải thể quỹ. Kể từ ngày giải thể Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Lưu Ký, Ngân Hàng Giám Sát (nếu có) không được:
- a. Thực hiện các hoạt động đầu tư, giao dịch của các tài sản cho Quỹ;
 - b. Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của Quỹ;
 - c. Tặng, cho tài sản của Quỹ cho tổ chức, cá nhân khác;
 - d. Thanh toán hợp đồng trong đó giá trị phần nghĩa vụ của Quỹ lớn hơn giá trị phần nghĩa vụ của bên kia hoặc thanh toán nợ cho các chủ nợ đồng thời là bên nợ của Quỹ mà không thực hiện bù trừ;
 - e. Thực hiện các giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của Quỹ.
4. Tài sản của Quỹ đang giải thể bao gồm:
- a. Tài sản và quyền về tài sản mà Quỹ có tại thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;
 - b. Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền về tài sản mà Quỹ sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước thời điểm Quỹ buộc phải giải thể.
 - c. Các tài sản khác theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư 98/2020/TT-BTC.
5. Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát (trong trường hợp không có Công Ty Quản Lý Quỹ) chịu trách nhiệm thực hiện việc thanh lý, phân chia tài sản cho Nhà Đầu Tư theo phương án đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Thời hạn thanh lý tài sản, phân chia tài sản cho Nhà Đầu Tư thực hiện theo phương án giải thể nhưng không quá 02 (hai) năm kể từ ngày giải thể Quỹ. Quá thời hạn nêu trên, Công Ty Quản Lý Quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát (nếu có) hoàn trả danh mục của Quỹ cho Nhà Đầu Tư tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu Tư.
6. Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm thực hiện thanh lý giải thể Quỹ theo quy định tại Điều 12 Thông tư 98/2020/TT-BTC và khoản 3, 4 và 5 Điều 67 Điều Lệ Quỹ.
7. Kết quả thanh lý tài sản của Quỹ phải được xác nhận bởi ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát (nếu có), Công Ty Quản Lý Quỹ và thông qua bởi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Ban Đại Diện Quỹ (nếu có) thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý tài sản.
8. Kể từ ngày giải thể Quỹ cho đến khi hoàn tất giải thể Quỹ, định kỳ hàng tháng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN và cung cấp cho Nhà Đầu Tư về NAV, báo cáo về tài sản và danh mục đầu tư của Quỹ theo mẫu quy định tại Phụ lục IX, Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC.
9. Công Ty Quản Lý Quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát (nếu có) và các tổ chức, cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ báo cáo kết quả giải thể. Trường hợp hồ sơ báo cáo kết quả giải thể không chính xác hoặc có tài liệu giả mạo, Công Ty Quản Lý Quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát (nếu có), các tổ chức, cá nhân có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán và chịu trách nhiệm các nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày báo cáo kết quả giải thể đến UBCKNN.

CHƯƠNG XIV - GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 68. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng ủy thác đầu tư của Công Ty Quản Lý Quỹ và giữa Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải:
 - a. Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;
 - b. Tách biệt tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý, tài sản của Nhà Đầu Tư ủy thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên Ban Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều Lệ Quỹ và pháp luật hiện hành.
3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công Ty Quản Lý Quỹ.

CHƯƠNG XV - CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 69. Công bố thông tin và cung cấp thông tin cho Nhà Đầu Tư

1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm Nhà Đầu Tư truy xuất được thông tin về thống kê giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIII ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC. Trong trường hợp Nhà Đầu Tư yêu cầu, Công Ty Quản Lý Quỹ phải gửi thống kê giao dịch, số dư tài khoản, tiểu khoản trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Nhà Đầu Tư.
2. Công Ty Quản Lý Quỹ phải gửi UBCKNN các báo cáo định kỳ về hoạt động quản lý tài sản của Quỹ như sau:
 - a. Báo cáo định kỳ hàng tuần về thay đổi NAV của Quỹ theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIV Thông tư 98/2020/TT-BTC;
 - b. Báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm về hoạt động đầu tư của Quỹ theo mẫu quy định tại Phụ lục XXVI Thông tư 98/2020/TT-BTC;
 - c. Báo cáo 6 tháng và năm về tổng kết hoạt động quản lý quỹ theo mẫu quy định tại Phụ lục XXV Thông tư 98/2020/TT-BTC;
 - d. Báo cáo tài chính quý; báo cáo tài chính 6 (sáu) tháng đã được soát xét, báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận của Quỹ theo quy định của pháp luật về kế toán đối với Quỹ.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ phải công bố hoặc cung cấp cho Nhà Đầu Tư:
 - a. Báo cáo quy định tại khoản 2 Điều 69 Điều Lệ Quỹ;
 - b. Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt.
4. Các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 69 Điều Lệ Quỹ phải được cung cấp miễn phí cho Nhà Đầu Tư trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho Nhà Đầu Tư hoặc gửi qua đường bưu điện.

Tất cả các thông báo hoặc tài liệu phát hành và gửi đến cho Nhà Đầu Tư phải được gửi đến địa chỉ của Nhà Đầu Tư đăng ký trong Sổ Đăng Ký. Nhà Đầu Tư phải thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ về bất kỳ thay đổi liên quan đến địa chỉ. Tất cả các thông báo hoặc tài liệu gửi qua đường bưu điện sẽ được coi là được chuyển khi thư có thông báo hoặc tài liệu được gửi qua bưu điện. Tài liệu và thông báo sẽ được coi là đã gửi nếu trong thư chứa thông báo và tài liệu đã được ghi đúng địa chỉ và gửi đi. Các thông báo và tài liệu gửi qua hình thức fax hoặc thư điện tử được coi là đã gửi vào thời gian ghi trên báo cáo chuyển của người gửi nếu được gửi đến đúng số fax và địa chỉ thư điện tử của Nhà Đầu Tư đã được đăng ký tại Sổ Đăng Ký. Tài liệu có đóng dấu và chữ ký gốc đã gửi qua hình thức fax hoặc thư điện tử sẽ phải gửi bản gốc muộn nhất vào ngày làm việc tiếp theo đến địa chỉ thư tín đăng ký trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư có thể từ chối tiếp nhận các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 68 Điều Lệ này. Trường hợp Nhà Đầu Tư có yêu cầu, Công Ty Quản Lý Quỹ phải cung cấp quy trình quản trị rủi ro, nêu rõ các hạn chế đầu tư, phương pháp phòng ngừa và quản lý rủi ro sử dụng để quản lý tài sản của Quỹ.
5. Thời hạn nộp các báo cáo:
 - a. Đối với báo cáo tuần: Là ngày làm việc đầu tiên của tuần kế tiếp hoặc trong vòng 03 ngày làm việc sau Ngày Định Giá;
 - b. Đối với báo cáo tháng: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng;
 - c. Đối với báo cáo quý: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý;
 - d. Đối với báo cáo 6 tháng: Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm;
 - e. Đối với báo cáo năm: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm.
6. Thời gian chốt số liệu đối với báo cáo định kỳ quy định tại khoản 2, 3 Điều 69 Điều Lệ Quỹ như sau:

- a. Đối với báo cáo tuần: Tính từ ngày đầu tiên của tuần báo cáo đến ngày cuối cùng của tuần báo cáo (trừ số liệu phản ánh tại thời điểm nhất định);
- b. Đối với báo cáo tháng: Tính từ ngày đầu tiên của tháng báo cáo đến ngày cuối cùng của tháng báo cáo (trừ số liệu phản ánh tại thời điểm nhất định);
- c. Đối với báo cáo quý: Tính từ ngày đầu tiên của quý báo cáo đến ngày cuối cùng của quý báo cáo (trừ số liệu phản ánh tại thời điểm nhất định);
- d. Đối với báo cáo 6 tháng: Tính từ ngày 01 tháng 01 kỳ báo cáo đến hết ngày 30 tháng 06 kỳ báo cáo (trừ số liệu phản ánh tại thời điểm nhất định);
- e. Đối với báo cáo năm: Tính từ ngày 01 tháng 01 kỳ báo cáo đến hết ngày 31 tháng 12 năm báo cáo (trừ số liệu phản ánh tại thời điểm nhất định);
- f. Đối với Quỹ mà thời gian hoạt động chưa đủ một kỳ báo cáo thì kỳ báo cáo tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ, Giấy phép thành lập và hoạt động đến ngày cuối cùng của kỳ báo cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 69 Điều Lệ Quỹ.

- 7. Công Ty Quản Lý Quỹ gửi UBCKNN các báo cáo dưới hình thức văn bản điện tử hoặc văn bản giấy.
- 8. Ngoài các trường hợp báo cáo quy định tại Điều 68 Điều Lệ Quỹ, trong trường hợp cần thiết, nhằm bảo vệ lợi ích chung và lợi ích Nhà Đầu Tư, UBCKNN có thể yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ báo cáo về hoạt động của Quỹ.
- 9. Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN trong thời hạn 48 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu báo cáo quy định tại khoản 8 Điều 69 Điều Lệ Quỹ.
- 10. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát phải lưu trữ toàn bộ tài liệu chứng từ về hoạt động đầu tư của Quỹ theo quy định tại Điều 30 Thông tư 99/2020/TT-BTC.
- 11. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, Đại Lý Phân Phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, tổ chức kiểm toán, Ban Đại Diện Quỹ và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm bảo mật thông tin về hoạt động của Quỹ, thông tin về Nhà Đầu Tư, không tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba, ngoại trừ theo yêu cầu bằng văn bản của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 70. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ

- 1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ quỹ phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư Quỹ quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ phải báo cáo UBCKNN.
- 2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán chưa được đề cập trong bản Điều Lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều Lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán.
- 3. Bất cứ sửa đổi bổ sung nào đối với Điều Lệ Quỹ, bao gồm cả các sửa đổi bổ sung theo quy định tại Khoản 2 của Điều 69 Điều Lệ sẽ phải báo cáo tới UBCKNN trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ lưu hồ sơ tất cả các sửa đổi của Điều Lệ Quỹ.

Điều 71. Đăng ký Điều Lệ, điều khoản thi hành

- 1. Bản Điều Lệ Quỹ gồm 15 Chương 71 Điều được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua ngày 04 tháng 05 năm 2023. Và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều Lệ Quỹ. Đính kèm Điều Lệ Quỹ các Phụ lục là một phần không tách rời của Điều Lệ Quỹ như sau:
 - a. Phụ lục 1: Cam kết của Công Ty Quản Lý Quỹ
 - b. Phụ lục 2: Cam kết của Ngân Hàng Giám Sát
 - c. Phụ lục 3: Cam kết chung của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát
 - d. Phụ lục 4: Phương pháp xác định giá trị tài sản
 - e. Phụ lục 5: Giá dịch vụ lưu ký giám sát và Giá dịch vụ quản trị quỹ
 - f. Phụ lục 6: Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

- g. Phụ lục 7: Nguyên tắc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản
2. Các Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và các bên liên quan có nghĩa vụ tuân thủ Điều Lệ Quỹ.
 3. Các bản trích lục hoặc bản sao của Điều Lệ Quỹ chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ hoặc người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ.
 4. Điều Lệ quỹ được lập thành 05 (năm) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, trong đó:
 - a. 01 (một) bản đăng ký tại cơ quan Nhà nước theo quy định của pháp luật;
 - b. 02 (hai) bản lưu tại văn phòng Quỹ;
 - c. 01 (một) bản lưu tại văn phòng Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - d. 01 (một) bản lưu tại văn phòng Ngân Hàng Giám Sát.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 05 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC

CTCP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE



Nguyễn Lê Đình Quang

PHỤ LỤC 1 – CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse

- Giấy phép thành lập và hoạt động: 14/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).
- Trụ sở chính: Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 7301 7786 Fax: (028) 7302 2268

Công Ty Quản Lý Quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Lighthouse:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều Lệ Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ.
2. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý Quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu Tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân Hàng Giám Sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân Hàng Giám Sát các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát các thông tin sau:
 - a. Báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, sổ đăng ký Nhà Đầu Tư và số lượng Chứng Chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư nắm giữ;
 - b. Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c. Bản đánh giá Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ;
 - d. Các thông tin liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí bản sao Điều Lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản Cáo Bạch (và các phụ lục kèm theo), cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những người liên quan đến Công Ty Quản Lý Quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp được pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công Ty Quản Lý Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí bản sao báo cáo hằng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
11. Cung cấp miễn phí bản sao báo cáo hằng năm của Ngân Hàng Giám Sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin được Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc người đại diện Công Ty Quản Lý Quỹ công bố là đầy đủ, trung thực và chính xác và không bỏ sót những sự kiện ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà Đầu Tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà Đầu Tư.
13. Cung cấp các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của Quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định của pháp luật.

CTCP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ Lighthouse
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG

PHỤ LỤC 2 - CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

- Giấy chứng nhận đăng ký: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619079 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).
- Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán: Số 106/QĐ-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 14/05/2003.
- Trụ sở chính: 66 Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028 3821 8812 Fax: 028 3914 4714

Ngân Hàng Giám Sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều Lệ Quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công Ty Quản Lý Quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân Hàng Giám Sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà Đầu Tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
5. Tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của Ngân Hàng Giám Sát, tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ và tài sản của các Quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản Quỹ, việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, xác định Giá Trị Tài Sản Ròng trên một đơn vị Chứng Chỉ Quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công Ty Quản Lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư.
8. Thực hiện nghĩa vụ ghi chép và theo dõi tất cả các giao dịch, các khoản lãi, cổ tức và thu nhập được nhận hoặc được phân phối của Quỹ.
9. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



PHÓ GIÁM ĐỐC
Hoàng Văn Sơn

PHÒNG GIÁM ĐỐC
Thị trấn Tân Sơn

PHỤ LỤC 3 - CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công ty quản lý quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse

- Giấy phép thành lập và hoạt động: 14/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).
- Trụ sở chính: Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 7301 7786 Fax: (028) 7302 2268

Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

- Giấy chứng nhận đăng ký: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619079 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)
 - Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán: Số 106/QĐ-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 14/05/2003.
 - Trụ sở chính: 66 Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại: (84)-(028)-3821-8812 Fax: (84)-(028)-3914-4714
1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà Đầu Tư.
 2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
 3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.
 4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều Lệ Quỹ hoặc Bản Cáo Bạch.

TỔNG GIÁM ĐỐC
CTCP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE



Nguyễn Lê Đình Quang

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



PHÓ GIÁM ĐỐC
Hoàng Văn Sơn

PHẦN 2 - CÁC CHỨC VỤ CÔNG TY CỔ PHẦN
HÀNG CHÁNH

1. Chức vụ Giám đốc: Là người đại diện pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm cao nhất về mọi hoạt động của Công ty, có quyền quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty, có quyền ký kết các văn bản, hợp đồng, giao dịch có giá trị pháp lý đối với Công ty.

2. Chức vụ Giám đốc điều hành: Là người chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty, thực hiện các quyết định của Giám đốc, có quyền ký kết các văn bản, hợp đồng, giao dịch có giá trị pháp lý đối với Công ty.

3. Chức vụ Giám đốc tài chính: Là người chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động tài chính của Công ty, thực hiện các quyết định của Giám đốc, có quyền ký kết các văn bản, hợp đồng, giao dịch có giá trị pháp lý đối với Công ty.

4. Chức vụ Giám đốc kỹ thuật: Là người chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động kỹ thuật của Công ty, thực hiện các quyết định của Giám đốc, có quyền ký kết các văn bản, hợp đồng, giao dịch có giá trị pháp lý đối với Công ty.

5. Chức vụ Giám đốc marketing: Là người chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động marketing của Công ty, thực hiện các quyết định của Giám đốc, có quyền ký kết các văn bản, hợp đồng, giao dịch có giá trị pháp lý đối với Công ty.

6. Chức vụ Giám đốc nhân sự: Là người chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động nhân sự của Công ty, thực hiện các quyết định của Giám đốc, có quyền ký kết các văn bản, hợp đồng, giao dịch có giá trị pháp lý đối với Công ty.

7. Chức vụ Giám đốc pháp luật: Là người chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động pháp luật của Công ty, thực hiện các quyết định của Giám đốc, có quyền ký kết các văn bản, hợp đồng, giao dịch có giá trị pháp lý đối với Công ty.

8. Chức vụ Giám đốc công nghệ thông tin: Là người chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động công nghệ thông tin của Công ty, thực hiện các quyết định của Giám đốc, có quyền ký kết các văn bản, hợp đồng, giao dịch có giá trị pháp lý đối với Công ty.

9. Chức vụ Giám đốc môi trường và xã hội: Là người chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động môi trường và xã hội của Công ty, thực hiện các quyết định của Giám đốc, có quyền ký kết các văn bản, hợp đồng, giao dịch có giá trị pháp lý đối với Công ty.

10. Chức vụ Giám đốc an ninh và bảo mật: Là người chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động an ninh và bảo mật của Công ty, thực hiện các quyết định của Giám đốc, có quyền ký kết các văn bản, hợp đồng, giao dịch có giá trị pháp lý đối với Công ty.

PHÒNG GIÁM ĐỐC
ĐOÀN VĂN SƠN



Nguyễn Văn Sơn



PHỤ LỤC 4 – PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
A. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá.
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá
4	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá trị mua cộng lãi lũy kế chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, và giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống Sở giao dịch chứng khoán; hoặc trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại Diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
B. Trái phiếu		
6	Trái phiếu niêm yết	- Giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) của các giao dịch thông thường (outright) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế với điều kiện giá sạch của trái phiếu không có biến động lớn¹ so với giá sạch trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc so với giá mua (giá sạch) trong trường hợp trái phiếu mới mua trong kỳ; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá hoặc giá sạch trái phiếu có biến động lớn, giá trái phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá sau: ▪ Giá mua (giá sạch) cộng lãi lũy kế; hoặc ▪ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc ▪ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

¹ Biến động lớn

- Trái phiếu chính phủ: vượt quá +/-0,1%
- Trái phiếu chính phủ bảo lãnh, trái phiếu địa phương: vượt quá: +/-0.1%
- Trái phiếu doanh nghiệp: vượt quá: +/-0.1%

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
7	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
C. Cổ phiếu		
8	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (bao gồm cả trường hợp do bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch), sử dụng phương pháp định giá theo thứ tự ưu tiên sau: ▪ Giá trị sổ sách; hoặc ▪ Giá mua; hoặc ▪ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
9	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá, sử dụng phương pháp định giá theo thứ tự ưu tiên sau: ▪ Giá trị sổ sách; hoặc ▪ Giá mua; hoặc ▪ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
10	Cổ phiếu tạm dừng giao dịch để thực hiện việc chuyển sàn niêm yết, hoặc chuyển từ đăng ký giao dịch qua niêm yết, hoặc chuyển từ niêm yết qua đăng ký giao dịch	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Giá được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối cùng trước khi ngừng giao dịch; hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
11	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
12	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký	- Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
	giao dịch	Định Giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, sử dụng phương pháp định giá theo thứ tự ưu tiên sau: ▪ Giá trị sổ sách; hoặc ▪ Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc ▪ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
13	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc huỷ niêm yết, hoặc huỷ đăng ký giao dịch	Là một trong các mức giá sau: - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc ▪ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
14	Cổ phần, phần vốn góp khác	- Giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong những mức giá sau: ▪ Giá trị sổ sách; hoặc ▪ Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc ▪ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
15	Quyền mua cổ phiếu	- Giá của quyền được tính theo công thức sau: $\text{Giá Quyền} = (\text{giá thị trường} (*) \text{ của cổ phiếu} - \text{giá thực hiện quyền}) * \text{tỷ lệ chuyển đổi từ quyền thành cổ phiếu}$
D. Chứng chỉ quỹ của quỹ đại chúng		
16	Chứng chỉ quỹ của quỹ đại chúng có niêm yết	- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất tính đến hết ngày trước ngày định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: ▪ Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ) gần nhất được quỹ đại chúng công bố trước ngày định giá; ▪ Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
17	Chứng chỉ quỹ của quỹ đại chúng chưa niêm yết	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: - Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ) gần nhất được quỹ đại chúng công bố trước ngày định giá; - Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

0100
NGÃ
ĐẦU TƯ
-C
NAM K
17-7

11
3
H
N
A
H
H

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
E. Các tài sản khác		
18	Các tài sản được phép đầu tư khác	- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất - trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại Diện Quỹ thông qua.

- Lãi dự thu của Tiền gửi không kỳ hạn được tính bằng công thức:

$$\text{Lãi tiền gửi dự thu} = \text{Tiền gốc} \times \text{Lãi suất} \times n/365$$

n: số ngày thực tế tính từ ngày gửi tiền tới ngày trước Ngày Định Giá

- Lãi lũy kế của Trái phiếu chưa niêm yết được tính theo công thức sau:

$$\text{Lãi lũy kế} = \text{Lợi suất cuốn phiếu} \times \text{Mệnh giá} \times n/\text{số ngày thực tế trong năm}$$

n: Số ngày thực tế từ ngày trả lãi cuốn phiếu gần nhất tính tới ngày trước Ngày Định Giá

TỔNG GIÁM ĐỐC

CTCP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE



NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG

150
NHÀ
TRƯỜNG
LIỆT
HI NI
Y KH
P. H

TY
ÂN
LY
JT
USI

ÔNG TỶ CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE

67

PHỤ LỤC 6 - GIÁ DỊCH VỤ ĐẠI LÝ CHUYÊN NHƯỢNG

1. Tiền Đại lý chuyên nhượng bao gồm:

Stt	Loại tiền dịch vụ	Mức tiền (Chưa bao gồm thuế VAT)
1	Tiền cố định hàng tháng	10.000.000 đồng/tháng
2	Tiền thiết lập, duy trì thông tin: - Thiết lập dữ liệu ĐLPP, NHGS - Thiết lập dữ liệu NĐT - Duy trì thông tin tài khoản NĐT	Miễn phí
3	Tiền cung cấp thông tin: - Thông tin giao dịch hàng ngày - Thông tin kết quả giao dịch tại các ngày giao dịch - Thông tin về số lượng CCQ đang lưu hành - Thông tin danh sách NĐT sở hữu CCQ	Miễn phí
4	Tiền thực hiện quyền: - Lập danh sách thực hiện quyền	1.000.000 đồng/lần lập danh sách

2. Tiền gửi thư cho NĐT

Tiền gửi thư cho NĐT sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ trả cho VSD theo thực tế phát sinh do VSD gửi cho Công Ty Quản Lý Quỹ kèm theo tài liệu chứng minh.

3. Tiền khác

Trường hợp có yêu cầu cung cấp thông tin đặc thù hoặc các công việc khác, mức tiền Công Ty Quản Lý Quỹ trả cho VSD đối với các dịch vụ này được thực hiện trên cơ sở văn bản thỏa thuận đã được hai bên thống nhất.

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE



NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG

PHIÊN BẢN CHỈNH SỬA

1. Tên tài liệu: ...

STT	Nội dung	Đánh giá
1	...	...
2	...	...
3	...	...
4	...	...
5	...	...
6	...	...
7	...	...
8	...	...
9	...	...
10	...	...
11	...	...
12	...	...

2. ...

3. ...

4. ...

5. ...



6. ...

PHỤ LỤC 7 - NGUYÊN TẮC LẤY Ý KIẾN NHÀ ĐẦU TƯ BẰNG VĂN BẢN

1. Các vấn đề được lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua Nghị quyết: theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
2. Ban kiểm phiếu kiểm phiếu theo những nguyên tắc sau:
 - a. **Nguyên tắc biểu quyết:**
 - Phân bổ quyền: 01 chứng chỉ quỹ - 01 quyền biểu quyết.
 - Kết quả biểu quyết được tính trên tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết và trên tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm biểu quyết.
 - Kết quả biểu quyết theo phần trăm được làm tròn đến 02 (hai) số thập phân.
 - Các vấn đề đưa ra biểu quyết bằng văn bản được thông qua khi có nhiều hơn 50% (năm mươi phần trăm) tổng số đơn vị quỹ của Nhà Đầu tư biểu quyết tán thành.
 - b. **Tổng số phiếu biểu quyết phát ra:** là tổng số phiếu lấy kiến Nhà Đầu Tư được Công Ty Quản Lý Quỹ gửi đến Nhà Đầu Tư của Quỹ theo danh sách chốt tại ngày được thông báo.
 - c. **Tổng số phiếu biểu quyết thu về:** là tổng số phiếu lấy kiến Nhà Đầu Tư gửi về Công Ty Quản Lý Quỹ để thể hiện kiến của mình về nội dung xin ý kiến.
 - d. **Thời gian lấy ý kiến Nhà Đầu Tư** sẽ được thông báo cụ thể trong nội dung phiếu lấy ý kiến bằng văn bản.
 - e. **Phiếu biểu quyết hợp lệ:**

Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu biểu quyết:

 - Phiếu biểu quyết do Công Ty Quản Lý Quỹ gửi đến Nhà Đầu Tư;
 - Phiếu không bị tẩy xóa, sửa chữa, thay đổi nội dung;
 - Phiếu biểu quyết được ký bởi chủ sở hữu đơn vị quỹ hoặc người ủy quyền đã đăng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc người ủy quyền hợp lệ theo quy định của pháp luật.
 - Phiếu biểu quyết được gửi về Công Ty Quản Lý Quỹ trong thời hạn xác định tại Phiếu lấy kiến Nhà Đầu Tư.
 - f. **Ý kiến biểu quyết hợp lệ:**

Nhà Đầu Tư vui lòng điền đầy đủ thông tin vào phần còn trống và chỉ đánh dấu (✓) vào duy nhất một lựa chọn “Nhất trí”; “Không nhất trí” hoặc “Không có ý kiến” để biểu quyết cho các nội dung xin ý kiến theo thẩm quyền của việc xin ý kiến bằng văn bản.
 - g. **Kết quả kiểm phiếu:** được tổng hợp trên phiếu biểu quyết hợp lệ của Nhà Đầu Tư.
 - h. **Biểu quyết thông qua & Biểu quyết không thông qua:**

Ý kiến biểu quyết “Nhất trí” thì được xem là biểu quyết thông qua. Ý kiến biểu quyết “Không nhất trí” hoặc “Không có ý kiến” thì được xem là biểu quyết không thông qua.
 - i. **Không tham gia biểu quyết:**

Phiếu lấy kiến Nhà Đầu Tư đã được gửi đến Nhà Đầu Tư nhưng bị hoàn trả về do địa chỉ Nhà Đầu Tư cung cấp không chính xác, hoặc các phiếu lấy kiến Nhà Đầu Tư được gửi về Công Ty Quản Lý Quỹ theo địa chỉ đã thông báo nhưng sau thời hạn ngày nhận cuối cùng; hoặc các phiếu Nhà Đầu Tư không gửi về thì được xem là không tham gia biểu quyết các nội dung lấy kiến.
 - j. **Tổng hợp kết quả:** Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả biểu quyết cho từng vấn đề và lập Biên bản kiểm phiếu.

TÔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE



NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG



100

